



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH

VỀ SPS TRONG XUẤT KHẨU NÔNG – LÂM
– THỦY SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG HỒI GIÁO



Hà Nội, năm 2025





BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH
VỀ SPS TRONG XUẤT KHẨU NÔNG - LÂM - THỦY SẢN
VÀO THỊ TRƯỜNG HỒI GIÁO



Hà Nội, năm 2025

CƠ QUAN CHỦ QUẢN:
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

BAN SOẠN THẢO VÀ BIÊN TẬP

1. TS. Ngô Xuân Nam

- Chịu trách nhiệm nội dung,

- Trưởng ban Soạn thảo và Biên tập

Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. ThS. Nguyễn Thị Huyền

3. ThS. Đinh Đức Hiệp

4. ThS. Bùi Đức Toàn

5. ThS. Nguyễn Hoàng Long

THƯ KÍ BAN BIÊN TẬP

TS. Đào Văn Cường

Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU	07
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	09
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG HALAL	11
I. Thị trường Halal là gì?	11
1. Khái niệm Halal	11
2. Ý nghĩa của Halal	12
II. Tiềm năng của thị trường Halal	13
III. Tình hình xuất khẩu sang thị trường Halal của Việt Nam	16
CHƯƠNG II: CÁC HIỆP ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN THỊ TRƯỜNG HALAL	19
I. Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)	19
II. Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Israel	21
III. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – UAE (CEPA)	22
CHƯƠNG III: QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH DỊCH TỄ VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT	26
I. Quy định chung	26
II. Quy định đối với sản phẩm Halal	30
1. Nguyên liệu đầu vào	30
2. Quy trình sản xuất và chế biến	31
3. Bảo quản	32

4. Vận chuyển	32
5. Bao bì và ghi nhãn	33
III. Tiêu chuẩn SPS của một số các quốc gia Hồi giáo	34
1. Các nước vùng Vịnh	35
2. Một số quốc gia châu Phi	42
3. Các quốc gia Nam Á	44
4. Các quốc gia Đông Nam Á	46
4.1. Indonesia	47
4.2. Malaysia	50
CHƯƠNG IV: HỎI ĐÁP VỀ QUY ĐỊNH XUẤT KHẨU VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀO THỊ TRƯỜNG HALAL	53
CHƯƠNG V: MỘT SỐ THÔNG BÁO DỰ THẢO/CÓ HIỆU LỰC VỀ SPS TỪ CÁC QUỐC GIA HỒI GIÁO TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY	60
PHỤ LỤC	75
Phụ lục I: Chương SPS của Hiệp định thương mại tự do VIFTA	75
Phụ lục II: Chương SPS của Hiệp định VN-UAE CEPA	82
Phụ lục III: Cập nhật một số quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của thành viên tổ chức thương mại thế giới (WTO)	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	117

Lời mở đầu

Thị trường Hồi giáo hiện nay được xem là một trong những khu vực có tiềm năng lớn nhất đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Với số lượng dân số lớn, nhu cầu về thực phẩm Halal tại các quốc gia Hồi giáo ngày càng tăng mạnh, đặc biệt là đối với các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm chế biến và hàng tiêu dùng có nguồn gốc tự nhiên. Tuy nhiên, để có thể thâm nhập và đứng vững tại thị trường này, việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn Halal là yêu cầu bắt buộc đối với mọi doanh nghiệp xuất khẩu.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc chậm cập nhật hoặc không hiểu rõ các quy định về an toàn thực phẩm của thị trường Hồi giáo có thể khiến doanh nghiệp mất cơ hội tiếp cận thị trường, thậm chí bị từ chối nhập khẩu hoặc thu hồi sản phẩm. Do đó, việc chủ động tìm hiểu và cập nhật các quy định về an toàn thực phẩm, quy trình chứng nhận Halal và các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan là hết sức cần thiết, giúp doanh nghiệp Việt Nam không chỉ đáp ứng yêu cầu của đối tác Hồi giáo mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của hàng nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Vì vậy, việc xuất bản “Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS trong xuất khẩu nông – lâm – thủy sản vào thị trường Hồi giáo”⁽¹⁾ là rất cần thiết để doanh nghiệp có thể bước đầu hiểu và nắm được quy định của thị trường Hồi giáo, từ đó thành công xuất khẩu sang thị trường này.

(1) Thị trường Hồi giáo hiện nay được xem là một trong những khu vực có tiềm năng lớn nhất đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Với số lượng dân số lớn, nhu cầu về thực phẩm Halal tại các

Nhiều biện pháp SPS của thị trường nhập khẩu thường được thay đổi, cập nhật, vì vậy Văn phòng SPS Việt Nam khuyến cáo doanh nghiệp trước khi xuất khẩu cần cập nhật quy định của thị trường để tuân thủ, tránh rủi ro trong thương mại.

Văn phòng SPS Việt Nam trân trọng cảm ơn Bộ Ngoại giao, các Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đã tích cực tham gia góp ý nội dung “Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS trong xuất khẩu nông – lâm – thủy sản vào thị trường Hồi giáo”

Ban biên tập rất mong nhận được sự đóng góp của độc giả cho nội dung Sổ tay để chúng tôi có thể hoàn thiện trong những lần tái bản tiếp theo./.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- ASEAN:** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- BPJPH:** Cơ quan đảm bảo sản phẩm Halal
- CEPA:** Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện
- CPTPP:** Hiệp định đối tác toàn diện và phát triển xuyên Thái Bình Dương
- DSM:** Cơ quan tiêu chuẩn Malaysia
- FAO:** Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc
- GCC:** Hội đồng hợp tác vùng Vịnh
- GMP:** Thực hành sản xuất tốt
- GOVS:** Cơ quan Kiểm dịch Thú y và Nông nghiệp
- ARSO:** Tổ chức Tiêu chuẩn châu Phi
- ICMSF:** Ủy ban quốc tế về thông số vi sinh trong thực phẩm
- IFANCA:** Hội đồng thực phẩm và dinh dưỡng Hồi giáo Hoa Kỳ
- IMANOR:** Viện Tiêu chuẩn Maroc
- IPPC:** Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế
- JAKIM:** Cục Phát triển Hồi giáo Malaysia
- LPH:** Cơ quan kiểm tra Halal
- MOIAT:** Bộ Công nghiệp và Công nghệ tiên tiến UAE

MUI: Hội đồng giáo sĩ Hồi giáo Indonesia

OIC: Tổ chức Hợp tác Hồi giáo

PHA: Cơ quan Halal Pakistan

PPH: Quy trình sản phẩm Halal

RCEP: Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới giữa các nước thành viên ASEAN và 5 đối tác là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và New Zealand

SANHA: Tổ chức chứng nhận thực phẩm Halal Nam Phi

SPS: Biện pháp Vệ sinh an toàn thực phẩm và Kiểm dịch động thực vật

UAE: Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất

UMK: Doanh nghiệp siêu nhỏ

VIFTA: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Israel

WOAH: Tổ chức Thú y thế giới

WTO: Tổ chức Thương mại thế giới

IQA: Cơ quan kiểm dịch Indonesia

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG HALAL



I. Thị trường Halal là gì?

1. Khái niệm Halal

Định nghĩa Halal theo Hội đồng thực phẩm và dinh dưỡng Hồi giáo Hoa Kỳ (Islamic Food and Nutrition Council of America – IF-ANCA): “Halal là thuật ngữ tiếng Ả Rập có nghĩa là **“hợp pháp”** hoặc **“phù hợp với luật lệ”**. Đối với người Hồi giáo, Halal ám chỉ những sản phẩm và hoạt động được cho phép theo luật lệ của Islam”. Thuật ngữ này thường gắn liền với luật ăn uống của người Hồi giáo, đặc biệt là thịt được giết mổ theo hướng dẫn của Hồi giáo nhưng nó cũng chi phối các hoạt động đạo đức khác trong cuộc sống hàng ngày hay kinh doanh, tài chính. Halal còn bao hàm những căn nhắc đạo đức xã hội rộng hơn như sự công bằng, và việc đối xử với động vật. Trái với Halal, thuật ngữ Haram có nghĩa là bị cấm, bất hợp pháp. Các hướng dẫn về Halal hay Haram được nêu trong Luật Hồi giáo và được các học giả diễn giải các hướng dẫn này để đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc Hồi giáo. Ngày nay, khái niệm Halal đã mở rộng ra

ngoài các hành động cá nhân và chế độ ăn uống để trở thành một ngành công nghiệp toàn cầu, bao gồm các lĩnh vực thực phẩm, thời trang, dược phẩm, mỹ phẩm và tài chính.

Đối với thực phẩm Halal, có 03 khía cạnh chính mà chúng ta cần quan tâm:

- Những mối quan tâm về đạo đức: Quy trình sản xuất thực phẩm Halal cần tuân thủ các quy định của đạo Hồi. Những quy định này quan tâm đến việc đối xử nhân đạo với động vật trong quá trình giết mổ.
- Những thực phẩm hạn chế sử dụng (Haram): Thực phẩm Halal không sử dụng thịt lợn và các sản phẩm làm từ máu.
- Quy trình chuẩn bị và xử lý: Thực phẩm Halal cần trải qua một quy trình chế biến gồm cầu nguyện và ban phước để đảm bảo sự tinh khiết và sạch sẽ cho sản phẩm đầu ra.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

2. Ý nghĩa của Halal

- Halal không chỉ đơn giản là cách người Hồi giáo lựa chọn thực phẩm và các mặt hàng khác, Halal còn có ý nghĩa sâu sắc về mặt tâm linh và đạo đức.
- Các nguyên tắc Halal khuyến khích người Hồi giáo sống một cuộc sống lành mạnh, tôn trọng và tuân thủ những nguyên tắc đạo đức của đạo Hồi.
- Halal cũng nhấn mạnh sự quan tâm đến sức khỏe và sự tôn trọng đối với môi trường.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

II. Tiềm năng của thị trường Halal

Việt Nam được cho là có tiềm năng phát triển ngành công nghiệp Halal, nhất là đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, được cho là thế mạnh của Việt Nam.

Thứ nhất, thị trường Halal có tiềm năng to lớn nhờ quy mô dân số Hồi giáo toàn cầu lớn, khoảng 2 tỷ người (chiếm khoảng 25% dân số thế giới), trong đó riêng khu vực Đông Nam Á có khoảng 300 triệu người Hồi giáo. Quy mô nền kinh tế Halal toàn cầu đạt 2.200 tỷ USD năm 2020 và dự kiến đạt 3.200 tỷ USD năm 2025, với tốc độ tăng trưởng thị trường hàng năm 6,2%. Chi tiêu cho thực phẩm Halal bình quân tăng 3,1%/năm, từ 1.400 tỷ USD năm 2020 lên 1.900 tỷ USD vào năm 2024. Quy mô nền kinh tế Halal toàn cầu dự báo đạt khoảng 9.500 – 10.000 tỷ USD (theo báo cáo của Frost Sullivan, 17/10/2025), đặc biệt trong quy mô lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm Halal toàn cầu năm 2022 đạt 2.310,45 tỷ USD và được dự báo đạt 4.115,87 tỷ USD vào năm 2030 (Nghiên cứu của Tổ chức Nghiên cứu thị trường Zion).



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Thị trường Halal được đánh giá có tốc độ tăng trưởng cao, dự địa phát triển lớn do dân số theo đạo Hồi ngày càng gia tăng. Mức chi tiêu và sử dụng các sản phẩm Halal có xu hướng ngày càng tăng, mở rộng sang cả thị trường phi Hồi giáo do sản phẩm Halal đáp ứng

nhiều tiêu chí về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng và bảo vệ môi trường. Hơn nữa, các quốc gia sản xuất sản phẩm Halal lớn nhất trên thế giới phần lớn không phải là các quốc gia Hồi giáo. Nhu cầu các sản phẩm Halal tăng mạnh không chỉ do sự gia tăng về số lượng người Hồi giáo mà còn do xu hướng tiêu dùng mới trên toàn thế giới.

Thứ hai, nhiều quốc gia Hồi giáo là các thị trường tiêu dùng hoặc xuất khẩu sản phẩm Halal lớn trên thế giới (như Ả rập Xê út, Indonesia, Malaysia...) hiện đang rất quan tâm, mong muốn thúc đẩy hợp tác với Việt Nam trong đầu tư, phát triển sản xuất các sản phẩm Halal, hình thành một ngành công nghiệp Halal để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Bà Rosmizah Binti Mat Jusoh, Tổng Lãnh sự quán Malaysia tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng phía Malaysia cũng có nhu cầu rất lớn đối với nguồn cung các sản phẩm Halal, vẫn còn khoảng 80% trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ Halal để đáp ứng nhu cầu trong nước này. Việc phát triển ngành Halal sẽ thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực dịch vụ đi kèm như logistics, vận chuyển, bảo quản, đồng thời đây là cơ hội để thu hút các nhà đầu tư, các du khách Hồi giáo đến kinh doanh và du lịch tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy tăng cường hợp tác giữa Việt Nam với 57 quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) để phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong những năm tới. Các thỏa thuận gần đây giữa các cơ quan quản lý Halal của Việt Nam, Malaysia và Indonesia nhằm tiến tới sự công nhận lẫn nhau về chứng chỉ Halal và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tiếp cận thị trường. Thị trường Trung Đông và Bắc Phi có tiềm năng lớn tiêu thụ các sản phẩm Halal, với giá trị khoảng 190 tỷ USD vào năm 2022 và có thể đạt mức 230 tỷ USD năm 2023. Đây là thị trường có tiềm năng với các nước xuất khẩu như Việt Nam nhằm tăng vị thế trong ngành công nghiệp Halal toàn cầu.

Thứ ba, Việt Nam có điều kiện rất thuận lợi để phát triển ngành Halal như: gần những thị trường tiêu dùng sản phẩm Halal; có thế mạnh về nông nghiệp, thực phẩm, du lịch, dịch vụ, đặc biệt là Việt Nam có thế mạnh về xuất khẩu nông sản, thủy sản lớn trên thế giới; Việt Nam tham gia rất nhiều Hiệp định thương mại tự do có liên quan

đến thị trường Halal như Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và 02 Hiệp định có liên quan với thị trường Hồi giáo là Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – UAE (CEPA) và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Israel (VIFTA). Trong đó, UAE là thị trường Hồi giáo lớn và là cửa ngõ để Việt Nam có thể tiếp cận các thị trường Hồi giáo khác trong khu vực Trung Đông.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Thứ tư, mức độ và hiệu quả tham gia thị trường Halal toàn cầu chưa tương xứng với tiềm năng của Việt Nam.

Theo báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), chỉ tiêu cho thực phẩm Halal của cộng đồng Hồi giáo toàn cầu ngày càng tăng cao, dự kiến đạt 1.900 tỷ USD vào năm 2024 và 15.000 tỷ USD vào năm 2050. Báo cáo Chỉ số hồi giáo toàn cầu cho thấy, những năm gần đây, số người



Ảnh minh họa: nguồn Internet

theo đạo Hồi đi du lịch trên thế giới tăng khá nhanh, năm 2023 có khoảng 140 triệu lượt khách du lịch Hồi giáo, trong đó có các nước Hồi giáo có khả năng chi trả cao, du lịch dài ngày như các nước khu vực Trung Đông, Malaysia, Indonesia, Singapore, Ấn Độ. Tuy nhiên, đối với thị trường du lịch Việt Nam, số lượng khách quốc tế theo đạo Hồi còn rất khiêm tốn. Du lịch Hồi giáo ở Việt Nam chưa thực sự được quan tâm, đầu tư đúng mức, chưa chú trọng khai thác và mở rộng nhà hàng Halal phục vụ nhu cầu ẩm thực cho khách du lịch Hồi giáo, với các sản phẩm thực phẩm có tem chứng nhận Halal được người Hồi giáo tin dùng. Như vậy có thể nói, Việt Nam mới chỉ bước đầu tiếp cận thị trường Halal.

III. Tình hình xuất khẩu sang thị trường Halal của Việt Nam

Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Halal vẫn còn rất khiêm tốn. Trong khi thị trường có nhu cầu rất cao thì doanh nghiệp Việt Nam chỉ xuất khẩu được hơn 20 mặt hàng vào thị trường này. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sang các quốc gia Hồi giáo trong khu vực ASEAN trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt trên 26,37 tỷ USD; trong đó Indonesia 10,18 tỷ USD, Malaysia 9,31 tỷ USD, Singapore 6,7 tỷ USD, Brunei 143 triệu USD. Đây là những con số còn khá khiêm tốn so với tiềm năng và lợi thế của Việt Nam, cũng như nhu cầu tiêu thụ và xu hướng tiêu dùng mới của khu vực. Việt Nam có tới 40% các địa phương Việt Nam chưa có sản phẩm xuất khẩu có chứng nhận Halal.

Việt Nam có nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu rất được ưa chuộng tại thị trường Halal. Công ty GC Food là công ty xuất khẩu sản phẩm nha đam và thạch dừa vào thị trường Trung Đông – cho rằng cơ hội ở thị trường này rất lớn. Trong 10 năm, tệp khách hàng của GC Food ở phân khúc sản phẩm chuẩn Halal tăng lên dần, sản lượng đơn hàng cũng nhiều lên. Sản phẩm Halal được cho là tốt cho sức khỏe nên nếu sản phẩm đảm bảo chuẩn thì không chỉ có thị trường Trung Đông mà còn có thể có mặt ở các thị trường khác. Ngoài ra, các mặt hàng khác như hạt điều, cà phê, sữa, tôm,...cũng

đã và đang đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Hồi giáo. Điều này cho thấy sự sẵn sàng của các doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng nhu cầu sản phẩm Halal ngày càng tăng.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Một mặt hàng không thể không nhắc đến khi xuất khẩu sang thị trường Halal là hàng thủy sản. Chất lượng thủy sản xuất khẩu ngày càng được nâng cao đồng thời có sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ nên hàng thủy sản Việt Nam đã được nhiều thị trường Trung Đông biết đến. Trong đó, cá ngừ và cá tra là hai mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn ở Trung Đông, có thể có doanh số lớn trong tương lai. Khu vực Trung Đông đã nổi lên như một thị trường tiềm năng xuất khẩu thủy sản (với mức tăng trưởng 18%) chiếm gần 4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của cả nước. Thị trường này lần đầu nằm trong top 2 thị trường nhập khẩu thủy sản có tăng trưởng mạnh nhất (sau Trung Quốc) nhờ “đánh” mạnh vào sản phẩm tiêu chuẩn Halal. Người tiêu dùng Trung Đông (Israel, Saudi Arabia, UAE và Qatar) chuộng cá ngừ đóng hộp, cá tra phi lê, cắt khúc và cá nguyên con đông lạnh... chuẩn Halal. Thực tế, các doanh nghiệp Việt đã xuất khẩu khoảng 70% cá ngừ đóng hộp sang Israel (quốc gia nhập khẩu thủy sản lớn nhất trong khu vực). Riêng cá tra gắn với tiêu chuẩn Halal ở thị trường UAE tăng đến 28%.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Việt Nam đang có gần 1.000 doanh nghiệp được chứng nhận Halal. Tuy nhiên Việt Nam vẫn chưa hình thành được các hệ sinh thái Halal trong khi những quốc gia cung cấp lớn, nhiều kinh nghiệm lại đang chiếm lĩnh thị phần lớn như Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Brazil...

CHƯƠNG II

CÁC HIỆP ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN THỊ TRƯỜNG HALAL



Tính đến năm 2025, Việt Nam đã ký kết 17 Hiệp định thương mại tự do (hơn 60 đối tác thương mại) và 02 Hiệp định đang đàm phán. Trong các Hiệp định đã ký kết, có 03 Hiệp định chính có liên quan đến thị trường Hồi giáo, bao gồm:

- Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN;
- Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Israel;
- Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – UAE.

I. Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)

Hiệp định ATIGA được ký vào tháng 2 năm 2009 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 5 năm 2010, có tiền thân là Hiệp định Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT/AFTA) ký năm 1992. ATIGA là hiệp định toàn diện đầu tiên của ASEAN điều chỉnh toàn bộ thương mại hàng hóa trong nội khối và được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các

cam kết cắt giảm/loại bỏ thuế quan đã được thống nhất trong CEPT/AFTA cùng các Hiệp định, Nghị định thư có liên quan. Việt Nam tham gia ASEAN từ năm 1995 và bắt đầu thực hiện CEPT/AFTA từ năm 1996 và sau này tiếp tục thực hiện ATIGA. Trong ATIGA, các nước ASEAN dành cho nhau mức ưu đãi tương đương hoặc thuận lợi hơn mức ưu đãi dành cho các nước đối tác trong các Thỏa thuận thương mại tự do (FTA) mà ASEAN ký (các FTA ASEAN+). Ngoài các cam kết về thuế quan, ATIGA cũng bao gồm nhiều cam kết khác như: xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan, quy tắc xuất xứ, thuận lợi hóa thương mại, hải quan, các tiêu chuẩn và sự phù hợp, các biện pháp vệ sinh dịch tễ.



Ảnh minh họa: nguồn Văn phòng SPS Việt Nam

Hiệp định ATIGA bao gồm 11 Chương, 98 Điều, tin tưởng rằng một Hiệp định Thương mại Hàng hoá ASEAN toàn diện sẽ giảm thiểu các hàng rào và tăng cường liên kết kinh tế giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN, giảm chi phí kinh doanh, tăng hiệu quả thương mại, đầu tư và kinh tế, tạo nên một thị trường lớn hơn với nhiều cơ hội hơn và hiệu quả kinh tế nhờ quy mô cho các doanh nghiệp của các Quốc gia Thành viên và tạo ra và duy trì một khu vực đầu tư cạnh tranh.

II. Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Israel



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Ngày 25/7/2023, tại Văn phòng Thủ tướng Israel, trước sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Nhà nước Israel Benjamin Netanyahu và Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Trần Lưu Quang, Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Nguyễn Hồng Diên đã cùng Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Công nghiệp Israel Nir Barkat ký kết Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Israel (VIFTA). Hiệp định VIFTA được khởi động đàm phán trong bối cảnh quan hệ song phương giữa Việt Nam ngày càng phát triển tốt đẹp, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế-thương mại. Việc VIFTA được ký kết đánh dấu thành quả nỗ lực không mệt mỏi của cả hai nước sau quãng thời gian 7 năm với 12 phiên đàm phán và càng có ý nghĩa trong bối cảnh hai nước đang tiến hành nhiều hoạt động thiết thực nhân dịp kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Đặc biệt, Israel là quốc gia đầu tiên tại khu vực Tây Á mà Việt Nam ký kết hiệp định thương mại tự do (FTA) và Việt Nam cũng là quốc gia đầu tiên tại khu vực Đông Nam Á mà Israel ký kết FTA.

Hiệp định VIFTA là hiệp định FTA thứ 16 của Việt Nam, chính thức có hiệu lực từ ngày 17/11/2024. Hiệp định này mở ra cơ hội lớn cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu vào Israel, đồng thời giúp các công

ty Israel tiếp cận thị trường Việt Nam, thúc đẩy thương mại, đầu tư và hợp tác trong các lĩnh vực như công nghệ nông nghiệp, năng lượng tái tạo. Hiệp định gồm 15 Chương và một số phụ lục đính kèm các chương với các nội dung cơ bản như thương mại hàng hóa, dịch vụ – đầu tư, quy tắc xuất xứ, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT), các biện pháp vệ sinh kiểm dịch động thực vật (Chi tiết trong Phụ lục I), hải quan, phòng vệ thương mại, mua sắm chính phủ, pháp lý – thể chế.

III. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – UAE (CEPA)

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (CEPA) giữa Việt Nam và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) được chính thức ký kết ngày 28/10/2024 tại Dubai, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phạm Minh Chính và Phó Tổng thống kiêm Thủ tướng UAE Mohammed bin Rashid Al Maktoum. Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Nguyễn Hồng Diên và Quốc vụ khanh phụ trách thương mại của Bộ Kinh tế UAE Thani bin Ahmed Al Zeyoudi là hai đại diện trực tiếp ký kết Hiệp định. Đây là hiệp định thương mại tự do toàn diện đầu tiên mà Việt Nam ký với một quốc gia Ả Rập, mang tính dấu mốc quan trọng, mở ra một chương mới trong tiến trình đa dạng hóa thị trường, đối tác kinh tế và khẳng định vị thế ngày càng cao của Việt Nam trên bản đồ thương mại quốc tế.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Hiệp định CEPA có phạm vi rất rộng, bao gồm 18 chương (Chi tiết Chương SPS xem tại Phụ lục II), 15 phụ lục và 2 thư song phương. Các nội dung được đề cập trải dài từ thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư đến những lĩnh vực phức tạp như quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT), biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS), sở hữu trí tuệ, mua sắm của Chính phủ và các quy định pháp lý, thể chế. Đây không chỉ là một thỏa thuận thương mại đơn thuần mà còn mang tính chất của một “khuôn khổ hợp tác toàn diện”, đặt nền tảng pháp lý và chính sách để thúc đẩy quan hệ hợp tác lâu dài, ổn định và hiệu quả giữa hai quốc gia.

Một trong những điểm then chốt của CEPA là các cam kết mở cửa thị trường hàng hóa. Cụ thể, UAE sẽ xóa bỏ theo lộ trình thuế quan đối với 99% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, trong khi Việt Nam cũng cam kết xóa bỏ theo lộ trình đối với 98,5% kim ngạch xuất khẩu của UAE. Đây là mức cam kết cao, phản ánh thiện chí hợp tác mạnh mẽ từ cả hai phía. Với những cam kết này, nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như nông sản, thủy sản, dệt may, da giày, gỗ và sản phẩm gỗ, sản phẩm công nghiệp nhẹ... sẽ có cơ hội gia tăng thị phần tại thị trường UAE. Ngược lại, UAE – vốn có thế mạnh về năng lượng, hóa chất, sản phẩm hóa dầu và các dịch vụ tài chính – cũng sẽ mở rộng hiện diện tại thị trường Việt Nam.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Tác dụng của hiệp định thể hiện ở nhiều phương diện. Trước hết, về thương mại, CEPA được kỳ vọng trở thành “cú hích” giúp nâng kim ngạch xuất nhập khẩu song phương lên mức cao hơn, vượt xa con số 8–10 tỷ USD hiện tại. Không chỉ vậy, UAE còn đóng vai trò như một trung tâm trung chuyển hàng hóa quan trọng của khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Việc thâm nhập sâu hơn vào thị trường UAE cũng đồng nghĩa với việc hàng hóa Việt Nam có cơ hội lan tỏa sang nhiều thị trường rộng lớn khác, từ vùng Vịnh đến châu Phi. Đây là lợi thế đặc biệt quan trọng, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang chủ trương đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm sự phụ thuộc vào một số đối tác truyền thống.

Về đầu tư, CEPA mở ra triển vọng thu hút dòng vốn chất lượng cao từ UAE vào Việt Nam. UAE vốn nổi tiếng là trung tâm tài chính, logistics và năng lượng tái tạo của khu vực, do đó, sự hiện diện của các nhà đầu tư UAE tại Việt Nam có thể mang theo nguồn vốn dồi dào, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản trị hiện đại. Những lĩnh vực tiềm năng hợp tác bao gồm phát triển hạ tầng, năng lượng sạch, đô thị thông minh, cảng biển và hàng không. Ngược lại, doanh nghiệp Việt Nam cũng có thêm cơ hội tiếp cận các quỹ đầu tư và kênh tài chính tại UAE, qua đó mở rộng hoạt động kinh doanh ra khu vực Trung Đông.

Ngoài ra, hiệp định còn có ý nghĩa lớn về ngoại giao và chính trị. Việc Việt Nam là quốc gia Đông Nam Á đầu tiên ký kết CEPA với một nước Ả Rập cho thấy tầm quan trọng mà UAE dành cho quan hệ hợp tác với Việt Nam, đồng thời khẳng định sự tin cậy và uy tín quốc tế của Việt Nam. Điều này giúp nâng tầm vị thế quốc gia, khẳng định chiến lược “đa phương hóa, đa dạng hóa” trong quan hệ đối ngoại và phù hợp với định hướng phát triển bền vững mà Chính phủ Việt Nam theo đuổi.

Tuy nhiên, để tận dụng tốt cơ hội từ CEPA, doanh nghiệp Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức. Việc tiếp cận thị trường UAE đòi hỏi sản phẩm phải đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm, vệ sinh dịch tễ, cũng như các quy định về

nhãn mác, chứng nhận Halal và quy tắc xuất xứ. Thêm vào đó, logistics và chi phí vận chuyển tới Trung Đông vẫn còn là rào cản lớn. Doanh nghiệp Việt Nam cần có chiến lược bài bản trong việc nghiên cứu thị trường, đầu tư công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng thương hiệu quốc tế. Đồng thời, Nhà nước cũng cần sớm phê chuẩn hiệp định, hoàn thiện hệ thống pháp lý và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc phổ biến thông tin, đào tạo nguồn nhân lực và xúc tiến thương mại.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Tóm lại, CEPA Việt Nam – UAE là một hiệp định có ý nghĩa chiến lược, vừa tạo động lực thúc đẩy thương mại và đầu tư, vừa góp phần nâng tầm ngoại giao và khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nếu được triển khai đồng bộ và hiệu quả, hiệp định không chỉ mang lại lợi ích kinh tế to lớn mà còn mở ra cánh cửa cho sự hợp tác sâu rộng hơn trong nhiều lĩnh vực, góp phần vào sự phát triển bền vững và hội nhập toàn diện của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH DỊCH TỄ VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT

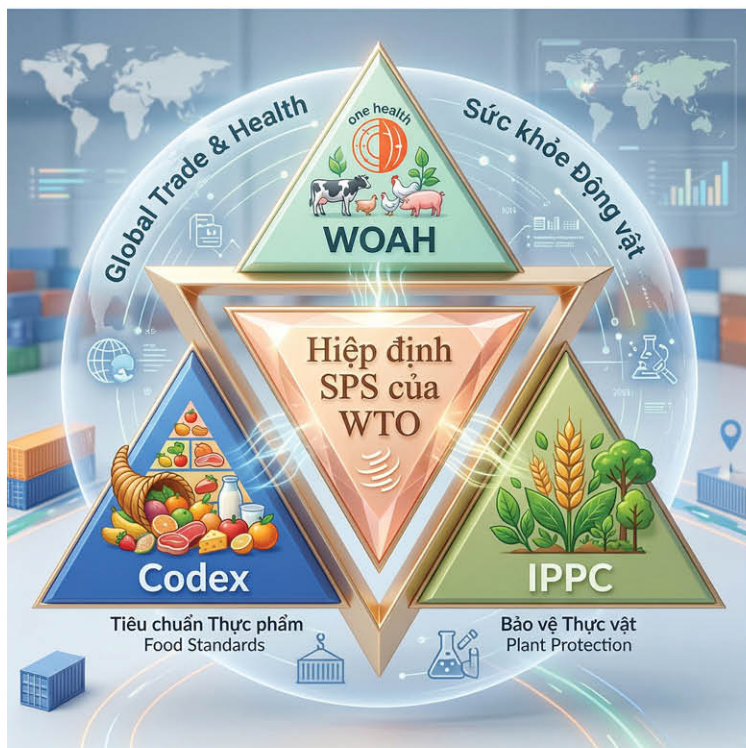


I. Quy định chung

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, vấn đề an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật nổi lên như một trong những mối quan tâm trọng yếu của hầu hết các quốc gia. Đây không chỉ là yếu tố bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sinh thái, mà còn là một trong những hàng rào kỹ thuật quan trọng nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong thương mại quốc tế. Các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật và thực vật thường được gọi chung là các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật, viết tắt là SPS (Sanitary and Phytosanitary Measures). Khung pháp lý cao nhất điều chỉnh lĩnh vực này ở cấp độ toàn cầu là Hiệp định SPS của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), có hiệu lực từ năm 1995 cùng với sự ra đời của WTO. Hiệp định này tạo ra nền tảng pháp lý cho việc các nước thành viên

được quyền áp dụng biện pháp bảo vệ sức khỏe con người, động vật và thực vật, nhưng phải dựa trên cơ sở khoa học, không được sử dụng như một công cụ nhằm che đậy chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch.

Theo Hiệp định SPS, ba tổ chức quốc tế được công nhận có thẩm quyền ban hành chuẩn mực quốc tế liên quan bao gồm: Ủy ban Codex Alimentarius (Codex) – chuyên về các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH, trước đây là OIE) – chuyên về sức khỏe động vật và bệnh dịch động vật; và Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC) – chuyên về kiểm dịch và bảo vệ thực vật. Đây được xem là ba trụ cột chính trong hệ thống chuẩn mực quốc tế về SPS, được các quốc gia tham khảo và áp dụng khi xây dựng biện pháp SPS.



Hình 1: Mối liên hệ của các Tiêu chuẩn quốc tế với Hiệp định SPS của Tổ chức thương mại thế giới

Trước hết, về an toàn thực phẩm, nguyên tắc chung được đặt ra là bảo đảm vệ sinh trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ sản xuất ban đầu, chế biến, bảo quản, vận chuyển đến phân phối và tiêu dùng. Thực phẩm phải đáp ứng các giới hạn tối đa về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, kim loại nặng, độc tố vi nấm (như aflatoxin) và các chất gây hại khác. Đây là một trong những yêu cầu phổ biến nhất trong thương mại nông sản và thực phẩm toàn cầu. Bên cạnh đó, quy định về phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến cũng được quy định chặt chẽ: chỉ những chất có trong danh mục được phép sử dụng, với hàm lượng cụ thể, mới có thể đưa vào sản phẩm. Truy xuất nguồn gốc thực phẩm là một nội dung quan trọng khác, giúp cơ quan quản lý và người tiêu dùng biết rõ xuất xứ, quy trình sản xuất và đường đi của sản phẩm trên thị trường. Cùng với đó, yêu cầu ghi nhãn sản phẩm rõ ràng, đầy đủ về thành phần, hướng dẫn sử dụng, điều kiện bảo quản và thời hạn sử dụng nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Tiếp đến là quy định về kiểm dịch động vật. Trong lĩnh vực này, mối quan tâm lớn nhất là phòng ngừa và kiểm soát các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có thể lây lan qua biên giới, như cúm gia cầm độc lực cao, lở mồm long móng, dịch tả heo châu Phi hoặc các bệnh trên thủy sản. Các quốc gia đều yêu cầu động vật sống và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt, trứng, sữa, thủy sản) khi xuất nhập khẩu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thú y do cơ quan có thẩm quyền cấp. Ngoài ra, khâu vận chuyển, giết mổ và chế biến động vật cũng phải tuân thủ quy chuẩn vệ sinh thú y nhằm ngăn ngừa mầm bệnh phát tán ra môi trường. Các biện pháp kiểm dịch động vật không chỉ nhằm bảo vệ sức khỏe con người thông qua chuỗi thực phẩm mà còn nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn vật nuôi và cho nền sản xuất nông nghiệp trong nước.

Trong khi đó, kiểm dịch thực vật tập trung vào phòng ngừa sự lây lan của sinh vật gây hại, sinh vật ngoại lai hoặc các loài xâm lấn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và đa dạng sinh học. Trước khi xuất nhập khẩu, hàng hóa thực vật như trái cây,

hạt giống, củ quả, gỗ... đều phải được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate). Nếu phát hiện sinh vật gây hại thuộc danh mục kiểm dịch, hàng hóa phải được xử lý bắt buộc, có thể bằng biện pháp hun trùng, chiếu xạ, xử lý nhiệt hoặc các phương pháp công nghệ khác. Mỗi quốc gia thường ban hành riêng danh mục dịch hại kiểm dịch, dựa trên khuyến nghị của IPPC, và áp dụng cho việc giám sát biên giới. Đây là một trong những biện pháp thiết yếu để ngăn ngừa các cuộc khủng hoảng về sâu bệnh trong nông nghiệp.

Dù có những khác biệt trong quy định chi tiết giữa các nước, nhưng nhìn chung, các nguyên tắc chung khi áp dụng biện pháp SPS là tương đồng.

- **Thứ nhất**, tất cả các quy định phải dựa trên đánh giá rủi ro khoa học, nghĩa là việc cấm đoán hoặc hạn chế phải có bằng chứng khoa học cụ thể về nguy cơ gây hại.
- **Thứ hai**, các biện pháp SPS không được phân biệt đối xử, phải áp dụng công bằng cho cả sản phẩm trong nước và sản phẩm nhập khẩu.
- **Thứ ba**, các quốc gia có nghĩa vụ minh bạch, tức là phải thông báo kịp thời cho WTO và các đối tác thương mại nếu ban hành hoặc sửa đổi quy định SPS, nhằm tránh gây bất ngờ hoặc gián đoạn thương mại.
- **Thứ tư**, Hiệp định SPS cũng khuyến khích nguyên tắc tương đương: nếu một quốc gia có hệ thống kiểm soát đáp ứng mức độ bảo vệ tương đương, thì nên được công nhận, ngay cả khi phương pháp thực hiện có khác biệt.

Thực tế cho thấy, an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật ngày nay không chỉ đơn thuần là vấn đề kỹ thuật, mà còn là một hàng rào phi thuế quan quan trọng trong thương mại quốc tế. Những nước có tiêu chuẩn cao thường tạo ra áp lực lớn đối với các quốc gia xuất khẩu, buộc họ phải nâng cấp hệ thống quản lý, kiểm

nghiệm và chứng nhận để đáp ứng yêu cầu. Ngược lại, nếu đáp ứng tốt các quy định SPS, doanh nghiệp có thể nâng cao uy tín, tăng khả năng tiếp cận thị trường và mở rộng cơ hội thương mại.

Có thể thấy rằng, hệ thống quy định chung về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật đã và đang trở thành một bộ khung thiết yếu, gắn kết sức khỏe cộng đồng với thương mại quốc tế. Các quy định này giúp đảm bảo rằng người tiêu dùng được tiếp cận với nguồn thực phẩm an toàn, môi trường nông nghiệp được bảo vệ trước nguy cơ dịch bệnh và sinh vật gây hại, đồng thời vẫn duy trì được sự công bằng và minh bạch trong thương mại toàn cầu. Trong tương lai, cùng với sự phát triển của công nghệ sinh học, chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu và biến đổi khí hậu, các quy định SPS chắc chắn sẽ tiếp tục được cập nhật, hoàn thiện nhằm đáp ứng những thách thức mới. Điều đó đòi hỏi các quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải không ngừng nâng cao năng lực quản lý, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, hài hòa với chuẩn mực quốc tế, để vừa bảo vệ lợi ích quốc gia, vừa thúc đẩy hội nhập kinh tế bền vững.

II. Quy định đối với sản phẩm Halal

Ngoài các quy định chung về SPS, để có thể thuận lợi tiếp cận thị trường Hồi giáo, các sản phẩm còn phải đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Halal. Dưới đây là một số quy định chung đối với sản phẩm Halal.

1. Nguyên liệu đầu vào

Đối với thực phẩm Halal, yếu tố nguyên liệu đầu vào giữ vai trò nền tảng và có tính quyết định.

- Chỉ những loài động vật được phép theo Hồi giáo mới có thể được sử dụng, chẳng hạn như bò, dê, cừu, gia cầm, cá có vảy, trong khi các loài bị cấm như heo, chó, động vật ăn thịt hoặc máu động vật đều hoàn toàn bị loại trừ.
- Việc giết mổ động vật phải được tiến hành theo nghi thức dhabiha, trong đó người thực hiện phải là tín đồ Hồi giáo đủ điều kiện,

đọc tên Allah khi giết mổ, sử dụng dao sắc và đảm bảo động vật chết nhanh, máu thoát ra hết.

- Đối với các nguyên liệu có nguồn gốc thực vật, yêu cầu đặt ra là phải sạch, không nhiễm tạp chất hoặc bị lẫn thành phần haram.
- Phụ gia, hương liệu, enzyme, gelatin và các chế phẩm sinh học chỉ được chấp nhận khi có nguồn gốc Halal minh bạch, không được phép sử dụng sản phẩm có xuất xứ từ heo hay các chất cấm khác.
- Nước sử dụng trong chế biến cũng phải tinh khiết (tahir) và không được chứa rượu hay bất kỳ thành phần bị cấm nào.

Những yêu cầu nghiêm ngặt này nhằm bảo đảm sản phẩm Halal đáp ứng cả tính hợp pháp tôn giáo lẫn an toàn cho người tiêu dùng.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

2. Quy trình sản xuất và chế biến

Sau khi lựa chọn được nguyên liệu hợp chuẩn, toàn bộ quá trình sản xuất và chế biến phải được tổ chức chặt chẽ theo đúng nguyên tắc halalan toyyiban, nghĩa là không chỉ Halal về mặt tôn giáo mà còn “tốt lành” và đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Một yêu cầu cơ bản là dây chuyền sản xuất phải độc lập, hoặc ít nhất phải có biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt để tránh nguy cơ

nhiễm chéo giữa sản phẩm Halal và các sản phẩm không Halal.

- Các dụng cụ, máy móc và bề mặt tiếp xúc với thực phẩm đều phải được làm sạch triệt để trước khi đưa vào sử dụng.
- Nhân viên trực tiếp tham gia vào khâu giết mổ và chế biến cũng cần được đào tạo, đặc biệt khâu giết mổ chỉ được phép do người Hồi giáo thực hiện.
- Quy định cũng cấm tuyệt đối việc sử dụng cồn và các chất bị cấm trong toàn bộ quá trình sản xuất, từ đó bảo đảm tính toàn vẹn Halal cho sản phẩm.

3. Bảo quản

Khâu bảo quản giữ vai trò quan trọng để duy trì tình trạng Halal sau sản xuất.

- Sản phẩm phải được lưu kho trong điều kiện vệ sinh nghiêm ngặt, tách biệt hoàn toàn với hàng hóa không Halal hoặc bị nghi ngờ không Halal. Trong trường hợp sử dụng chung cơ sở lưu kho, cần có khu vực riêng biệt được đánh dấu và quản lý chặt chẽ, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ nhiễm bẩn.
- Các kho lưu trữ phải bảo đảm nhiệt độ, độ ẩm và điều kiện môi trường phù hợp với đặc thù từng loại sản phẩm, qua đó vừa giữ chất lượng thực phẩm, vừa duy trì sự tuân thủ chuẩn mực Halal.

Việc duy trì sự phân biệt rõ ràng trong khâu bảo quản giúp củng cố niềm tin của người tiêu dùng Hồi giáo đối với hàng hóa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc xin chứng nhận và được chấp nhận tại các thị trường Halal quốc tế.

4. Vận chuyển

Vận chuyển là một mắt xích quan trọng trong chuỗi Halal, bởi quá trình này dễ xảy ra nguy cơ nhiễm chéo nếu không kiểm soát nghiêm ngặt. Quy định yêu cầu phương tiện vận tải dùng cho sản phẩm Halal như sau:

- Phải được vệ sinh sạch sẽ, không được sử dụng chung với sản phẩm haram. Trong trường hợp bất khả kháng phải dùng chung, phương tiện vận chuyển phải trải qua nghi thức làm sạch tôn giáo (sertu) theo đúng quy định trước khi đưa vào sử dụng lại cho sản phẩm Halal.
- Hàng hóa Halal cũng cần được niêm phong, ghi nhãn rõ ràng và được sắp xếp để tránh nhầm lẫn với hàng hóa khác. Điều này không chỉ bảo đảm sự toàn vẹn về tôn giáo mà còn giúp nâng cao uy tín của sản phẩm Halal khi tiếp cận các thị trường khát khe như Malaysia, Indonesia, các nước vùng Vịnh và Trung Đông.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

5. Bao bì và ghi nhãn

Cuối cùng, bao bì và ghi nhãn là yếu tố quan trọng thể hiện trực tiếp tính Halal của sản phẩm trước người tiêu dùng.

- Vật liệu làm bao bì phải an toàn, sạch, có nguồn gốc Halal và tuyệt đối không được sản xuất từ nguyên liệu haram hay tái chế từ chất liệu bị cấm như da heo hoặc các sản phẩm có cồn.
- Trên bao bì, nhãn sản phẩm cần ghi rõ thành phần, nơi sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng, đồng thời phải thể hiện logo chứng

nhận Halal của cơ quan có thẩm quyền được công nhận tại thị trường nhập khẩu, ví dụ JAKIM (Malaysia), MUI (Indonesia) hay ESMA (UAE).

- Bao bì và nhãn mác không được sử dụng hình ảnh hoặc ngôn từ trái với nguyên tắc Hồi giáo. Những quy định chặt chẽ này nhằm bảo đảm sự minh bạch, tạo niềm tin tuyệt đối cho người tiêu dùng Hồi giáo và hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về Halal.

Tóm lại, để có thể tiêu thụ tại thị trường Hồi giáo, các sản phẩm phải được các tổ chức chứng nhận được công nhận cấp chứng nhận Halal cho sản phẩm đó. Tuy nhiên để được cấp chứng nhận Halal thì yêu cầu bắt buộc là phải đảm bảo yêu cầu về an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y và kiểm dịch sản phẩm có nguồn gốc động vật.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

III. Tiêu chuẩn SPS của một số các quốc gia Hồi giáo

Tiêu chuẩn về SPS mặc dù đều dựa trên các quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn quốc tế của Codex, WOHAI và IPPC, mỗi quốc gia hoặc vùng lãnh thổ lại có những quy định riêng đối với sản phẩm

của quốc gia, vùng lãnh thổ đó. Doanh nghiệp muốn xuất khẩu vào thị trường nào bắt buộc phải đáp ứng các tiêu chuẩn SPS của thị trường đó. Dưới đây là tiêu chuẩn của một số các quốc gia Hồi giáo trên thế giới.

1. Các nước vùng Vịnh



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Các quốc gia vùng Vịnh thuộc khối GCC (Gulf Cooperation Council). Tổ chức tiêu chuẩn vùng Vịnh GSO ban hành tiêu chuẩn Halal thống nhất cho cả vùng. Đây là khung quan trọng cho xuất khẩu vào toàn bộ vùng Vịnh. Những tiêu chuẩn mà GSO ban hành có liên quan đến tiêu chuẩn Halal bao gồm:

- GSO 2055-1:2015 (Halal Food – Part 1: General Requirements): Quy định các yêu cầu chung cho thực phẩm Halal trong chuỗi từ thu nhận nguyên liệu, chế biến, đóng gói, lưu kho đến phân phối;
- GSO 2055-2:2021 (Halal – Part 2: General Requirements for Halal Certification Bodies): Yêu cầu áp dụng đối với các tổ chức chứng nhận Halal: thẩm quyền, cấu trúc tổ chức, tính khách quan, quy trình cấp chứng nhận, kiểm tra & giám sát;

- GSO 2055-3:2021: Quy định các yêu cầu chung đối với cơ quan cấp công nhận (accreditation bodies) – tức cơ quan đánh giá & công nhận các tổ chức chứng nhận Halal;
- GSO 993 / GSO 993:2015 (Animal Slaughtering Requirements): Quy định kỹ thuật bắt buộc cho việc giết mổ động vật theo luật Hồi giáo (Shariah) trong GCC;
- GSO 2652:2021 (Halal Packaging): Hướng dẫn chung về sản xuất & xử lý bao bì Halal, đảm bảo bao bì không vi phạm nguyên tắc Halal;

Ngoài các tiêu chuẩn Halal, GSO cũng ban hành rất nhiều tiêu chuẩn liên quan đến an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật chung cho toàn vùng. Một số tiêu chuẩn như sau:

- GSO ISO 22000:2021 – Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (Food Safety Management System), áp dụng cho toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm;
- GSO 193 – Mức giới hạn chất gây ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (ví dụ: mycotoxins, kim loại nặng);
- GSO 2481 – Giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật (thịt, sữa, trứng);
- GSO 1016 – Tiêu chí vi sinh vật cho thực phẩm (Microbiological Criteria for Foodstuffs);
- GSO 1694 – Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm (General Principles of Food Hygiene);
- GSO 9 – Ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn (Labelling of Prepacked Foodstuffs);
- GSO 150-1 & GSO 150-2 – Quy định về ngày hết hạn thực phẩm (bắt buộc và tự nguyện);
- GSO 323 – Quy định về vận chuyển và lưu trữ thực phẩm lạnh và đông lạnh;

- GSO 382/2021 – Giới hạn tối đa của thuốc trừ sâu trong sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm;
- GSO 21 – Quy định vệ sinh đối với nhà máy các công nhân chế biến thực phẩm;
- GSO 193 – Tạp chất và các độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi;
- GSO CAC/GL 19:2022 – Hướng dẫn trao đổi thông tin trong tình huống khẩn cấp về an toàn thực phẩm;

Trên đây là một số tiêu chuẩn chung của các nước vùng Vịnh. Tuy nhiên, một số quốc gia sẽ có cơ quan phụ trách việc chứng nhận và kiểm soát sản phẩm Halal riêng. Tại UAE, Nghị định nội các số 10 năm 2014 của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) là văn bản pháp lý nền tảng thiết lập hệ thống kiểm soát sản phẩm Halal quốc gia. Văn bản này có phạm vi áp dụng rộng, điều chỉnh các hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu, phân phối và lưu thông sản phẩm tại UAE, với mục tiêu đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm gắn nhãn Halal đều tuân thủ đúng quy định của Shariah và tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp là Bộ Công nghiệp và Công nghệ Tiên tiến (MOIAT).

Nghị định trước hết xác lập một hệ thống kiểm soát sản phẩm Halal thống nhất trên toàn quốc. Hệ thống này bao gồm việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn Halal, triển khai các thủ tục kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm, đồng thời đưa ra cơ chế công nhận cũng như giám sát chặt chẽ đối với các tổ chức chứng nhận Halal. Tất cả sản phẩm muốn được lưu hành tại UAE đều phải được chứng nhận và đăng ký theo hệ thống này, nhằm đảm bảo sự minh bạch và niềm tin của người tiêu dùng.

Một nội dung trọng tâm của nghị định là quy định về công nhận và giám sát các tổ chức chứng nhận Halal. Theo đó, chỉ những tổ chức đã được MOIAT chính thức công nhận mới có quyền cấp chứng nhận Halal cho sản phẩm lưu thông tại UAE. Việc này áp dụng cho

cả các tổ chức trong nước lẫn nước ngoài. MOIAT giữ quyền đình chỉ hoặc hủy bỏ công nhận đối với bất kỳ tổ chức nào vi phạm quy định, từ đó tạo nên một cơ chế kiểm soát nghiêm ngặt để duy trì tính toàn vẹn của hệ thống Halal.

Song song với đó, nghị định cũng quy định chi tiết về việc ghi nhãn và sử dụng dấu Halal quốc gia. Tất cả các sản phẩm đã được chứng nhận phải dán dấu hiệu Halal chính thức do MOIAT ban hành. Đây không chỉ là minh chứng về sự tuân thủ tiêu chuẩn mà còn là công cụ quản lý thị trường, ngăn chặn hành vi gian lận. Việc sử dụng sai hoặc giả mạo dấu Halal sẽ bị xử phạt nghiêm khắc theo các quy định pháp luật.

Cuối cùng, nghị định đưa ra các điều khoản chung và chuyển tiếp, bao gồm lộ trình thực hiện cũng như khoảng thời gian thích ứng cho doanh nghiệp trước khi các quy định được áp dụng bắt buộc. Đồng thời, nghị định xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tuân thủ hệ thống Halal và nhấn mạnh vai trò phối hợp giữa các cơ quan chính phủ, tổ chức tiêu chuẩn và cơ quan tôn giáo. Đây được xem là nền tảng pháp lý quan trọng giúp UAE trở thành một trong những quốc gia đi đầu trong việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý sản phẩm Halal hiện đại và có tính quốc tế cao.

Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Halal, các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm và vệ sinh dịch tễ của quốc gia nhập khẩu. Hiện nay, các yêu cầu về vi sinh vật của các quốc gia vùng Vịnh theo “Quy chuẩn kỹ thuật GSO 1016/2015 về các chỉ tiêu vi sinh trong thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm”. Quy chuẩn này thay thế cho tiêu chuẩn GSO 1016/1998, được xây dựng bởi Ủy ban kỹ thuật số 5 (phụ trách lĩnh vực thực phẩm và nông sản) và do Nhà nước Qatar chịu trách nhiệm soạn thảo.

Mục tiêu của quy chuẩn nhằm đưa ra các giới hạn vi sinh vật áp dụng đối với thực phẩm tiêu dùng trực tiếp và một số nguyên liệu dùng trong chế biến thực phẩm. Những giới hạn này được xây dựng

dựa trên khuyến nghị của Ủy ban quốc tế về thông số vi sinh trong thực phẩm (ICMSF) cũng như các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến an toàn thực phẩm.

Về phạm vi và nguyên tắc áp dụng, GSO 1016/2015 quy định rõ các giá trị giới hạn đối với sự có mặt hoặc không có mặt của các vi sinh vật gây bệnh hoặc độc tố trong sản phẩm, dựa trên số lượng mẫu được kiểm tra. Quy chuẩn đưa ra hai kế hoạch lấy mẫu cơ bản, bao gồm: kế hoạch hai mức (two-class attributes plan), trong đó mẫu sẽ được chấp nhận hoặc loại bỏ tùy theo kết quả xét nghiệm; và kế hoạch ba mức (three-class attributes plan), trong đó mẫu được phân loại thành ba nhóm: đạt, chấp nhận có điều kiện, hoặc loại bỏ. Bên cạnh đó, quy chuẩn cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hành sản xuất tốt (GMP) và yêu cầu kiểm soát toàn bộ các khâu trong chuỗi sản xuất, bảo quản và phân phối thực phẩm.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Quy chuẩn GSO 1016/2015 áp dụng cho 17 nhóm sản phẩm thực phẩm khác nhau, bao gồm: sữa và chế phẩm từ sữa; thực phẩm dành cho trẻ em, trẻ nhỏ và sản phẩm ăn kiêng; thịt, gia cầm và sản phẩm từ thịt; cá, nhuyễn thể, thủy sản và sản phẩm thủy sản; trứng và sản phẩm từ trứng; dầu, bơ và chất béo; sốt cà chua, dấm, gia vị, thảo mộc; thực phẩm đóng hộp; ngũ cốc, đậu và sản phẩm từ

ngũ cốc; rau, quả tươi và chế biến; mứt, thạch, marmalade; sôcô-la, bánh kẹo; phụ gia và nguyên liệu công nghiệp thực phẩm; nước uống đóng chai và nước khoáng; các loại đồ uống khác; thực phẩm ăn liền; và một số loại thực phẩm khác như đậu phụ, sản phẩm từ mè, giá đỗ hay bột dinh dưỡng.

Về các yêu cầu kỹ thuật nổi bật, quy chuẩn quy định rõ rằng không được phát hiện *Salmonella* trong nhiều loại thực phẩm. Đối với các sản phẩm dành cho trẻ em, đặc biệt là sữa bột và thực phẩm cho trẻ nhỏ, tiêu chuẩn quy định rất nghiêm ngặt đối với các vi sinh vật gây bệnh nguy hiểm như *E. coli* O157, *Listeria monocytogenes* và *Cronobacter sakazakii*. Ngoài ra, quy chuẩn cũng đưa ra các giới hạn cụ thể cho tổng số vi khuẩn hiếu khí, *Enterobacteriaceae*, nấm men, nấm mốc, *Bacillus cereus*, *Staphylococcus aureus*, *Clostridium perfringens*... tùy thuộc vào từng nhóm sản phẩm. Đặc biệt, đối với các sản phẩm có nguy cơ cao như sữa bột trẻ em hoặc thực phẩm dành cho người có hệ miễn dịch yếu, mức kiểm soát vi sinh được áp dụng nghiêm ngặt hơn.

Ý nghĩa của quy chuẩn GSO 1016/2015 rất quan trọng trong công tác quản lý an toàn thực phẩm của các quốc gia thành viên GCC. Đây là cơ sở pháp lý bắt buộc nhằm đảm bảo an toàn và chất lượng thực phẩm lưu thông trong khu vực. Đối với các doanh nghiệp nước ngoài, trong đó có Việt Nam, việc tuân thủ các giới hạn vi sinh theo quy chuẩn này là điều kiện tiên quyết nếu muốn xuất khẩu thực phẩm vào các quốc gia vùng Vịnh như Ả Rập Xê Út, UAE, Qatar, Kuwait, Oman, Bahrain và Yemen. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn này cũng là một tài liệu tham khảo quan trọng cho Việt Nam trong công tác kiểm soát chất lượng thực phẩm và xây dựng quy định phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu nhập khẩu từ thị trường các nước Hồi giáo.

Sữa là một trong những sản phẩm của Việt Nam có mặt tại thị trường các nước vùng Vịnh. Do đó sản phẩm này vừa đáp ứng tiêu chuẩn Halal và vừa đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm. Một số chỉ tiêu vi sinh vật trên sữa cần lưu ý như sau:

Mục	Vi sinh vật	Giới hạn (ml hoặc gram)			
		n	c	m	M
Sữa tiệt trùng (Pasteurized milk) (có hoặc không thêm hương liệu)	• Tổng số vi khuẩn hiếu khí	5	1	3x10 ⁴	10 ⁵
	• Enterobacteriaceae	5	2	3	5
	• <i>E. coli</i>	5	0	0	–
	• <i>Salmonella</i> *	5	0	0	–
Sữa UHT (UHT milk) (có hoặc không thêm hương liệu)	• Ủ ở 37°C / 15 ngày hoặc 55°C / 7 ngày				
	• Tổng số vi khuẩn hiếu khí	5	0	10	–
	• Enterobacteriaceae	5	0	0	–
	• <i>Salmonella</i> *	10	0	0	–
Sản phẩm sữa lên men (Fermented milk products) (có hoặc không thêm hương liệu), ví dụ: yoghurt, laban, labena	• Nấm men và nấm mốc	5	1	10	10 ²
	• Enterobacteriaceae	5	1	5	10
	• <i>E. coli</i>	5	0	0	–
	• <i>Salmonella</i>	5	0	0	–
	• <i>Staphylococcus aureus</i>	5	2	10	10 ²
Sữa đặc và sữa đặc có đường (Condensed and sweeten condensed milk)	• Tổng số vi khuẩn hiếu khí	5	2	10 ²	10 ³
	• Enterobacteriaceae	5	1	0	–
	• <i>Staphylococcus aureus</i>	5	1	5	10
Sữa bay hơi (Evaporated milk)	Áp dụng yêu cầu đối với sản phẩm đóng hộp (Mục 8)				
Kem tiệt trùng (Pasteurized cream) (có hoặc không thêm hương liệu)	• Tổng số vi khuẩn hiếu khí	5	1	5x10 ⁴	10 ⁵
	• Nấm men và nấm mốc	5	1	20	10 ²
	• Enterobacteriaceae	5	1	10	20
	• <i>E. coli</i>	5	0	0	–
	• <i>Salmonella</i> *	5	0	0	–
Kem đánh bông (Whipped cream)	• Tổng số vi khuẩn hiếu khí	5	2	5x10 ⁴	5x10 ⁵
	• Enterobacteriaceae	5	1	10	20
	• <i>E. coli</i>	5	0	0	–
	• <i>Salmonella</i>	5	0	0	–
	• <i>Staphylococcus aureus</i>	5	1	10	10 ²

Kem lên men (Fermented cream)	• Nấm men và nấm mốc	5	1	10	10 ²
	• <i>Enterobacteriaceae</i>	5	1	10	20
	• <i>E. coli</i>	5	0	0	–
	• <i>Staphylococcus aureus</i>	5	1	10	10 ²

n: Số lượng đơn vị mẫu được kiểm tra.

c: Số lượng đơn vị mẫu tối đa có thể có kết quả giữa m và M.

m: Giới hạn chấp nhận được của vi sinh vật; kết quả bằng hoặc nhỏ hơn m được coi là đạt.

M: Giới hạn tối đa có thể chấp nhận được; kết quả bằng hoặc lớn hơn M được coi là không đạt.

Salmonella*: Chỉ áp dụng trong trường hợp có thêm hương liệu

Ngoài ra, các sản phẩm khác cũng có các tiêu chuẩn riêng đối với mỗi loại sản phẩm.

- GSO 1991: 2025 Tiêu chuẩn đối với Chuối
- GSO 1754-1:2025 Dầu thực vật ăn được – Phần 1
- GSO CXS 52:2025 Dâu tây đông lạnh
- GSO 2197:2024 Cà phê và sản phẩm cà phê

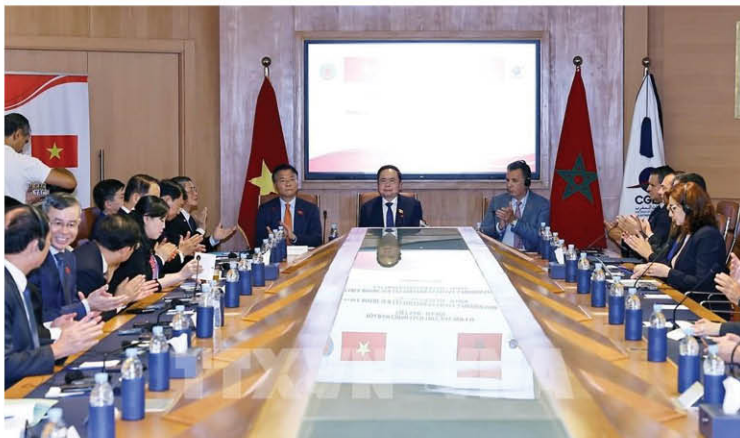
2. Một số quốc gia châu Phi

Châu Phi hiện có hơn 450 triệu người Hồi giáo, chiếm khoảng 40% dân số toàn lục địa, tập trung nhiều ở khu vực Bắc Phi, Tây Phi và một phần Đông Phi. Với tỷ lệ lớn như vậy, nhu cầu về thực phẩm và sản phẩm Halal tại châu Phi là rất cao, kéo theo sự hình thành của các cơ chế chứng nhận Halal tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, không giống như Malaysia hay Indonesia – những nước có hệ thống pháp lý và tiêu chuẩn Halal thống nhất toàn quốc – phần lớn các quốc gia châu Phi chưa xây dựng được bộ tiêu chuẩn Halal mang tính pháp quy hoàn chỉnh. Thay vào đó, việc chứng nhận thường do các cơ quan tôn giáo, hội đồng Hồi giáo hoặc các tổ chức tư nhân đảm nhiệm, và sau đó được chính phủ thừa nhận hoặc công nhận gián tiếp.

Một số quốc gia có hệ thống tương đối rõ ràng. Tại Ai Cập, việc chứng nhận Halal gắn liền với ngành nông nghiệp và chăn nuôi, do Cơ quan Kiểm dịch Thú y và Nông nghiệp (GOVS) quản lý, kết hợp với các tổ chức tôn giáo để đảm bảo các sản phẩm thịt, đặc biệt là hàng nhập khẩu, tuân thủ quy định Halal. Tại Maroc, Viện Tiêu chuẩn Maroc (IMANOR) đã ban hành tiêu chuẩn Halal quốc gia và triển khai dấu hiệu Halal chính thức, đồng thời ký kết hợp tác quốc tế để công nhận các tổ chức chứng nhận nước ngoài. Đây là một trong số ít quốc gia châu Phi có khung pháp lý Halal mang tính hệ thống.

Ngược lại, ở các quốc gia như Nigeria, hệ thống lại phân tán hơn. Do đặc thù liên bang, nhiều bang Hồi giáo ở miền Bắc có hội đồng riêng cấp chứng nhận Halal, cùng với một số tổ chức tư nhân có uy tín được quốc tế công nhận, như Cơ quan chứng nhận Halal Nigeria. Nam Phi cũng đi theo hướng tương tự, khi các hội đồng Hồi giáo như Hội đồng tư pháp Hồi giáo (Muslim Judicial Council) hay SANHA giữ vai trò chính trong việc chứng nhận, trong khi chính phủ công nhận và hỗ trợ nhưng chưa ban hành luật Halal riêng biệt. Ở Kenya, chứng nhận Halal được triển khai thông qua Kenya Bureau of Halal Certification dưới sự giám sát của Hội đồng Hồi giáo, tập trung nhiều vào ngành xuất khẩu thịt sang thị trường Trung Đông.

Bên cạnh các nỗ lực của từng quốc gia, cũng có những sáng kiến khu vực nhằm xây dựng sự đồng bộ trong tiêu chuẩn Halal. Tổ chức Tiêu chuẩn châu Phi (ARSO) đã thảo luận về việc hài hòa hóa tiêu chuẩn Halal giữa các quốc gia thành viên, trong khi một số nước tham chiếu tiêu chuẩn của OIC/SMIIC – tổ chức tiêu chuẩn và đo lường thuộc Tổ chức Hợp tác Hồi giáo. Tuy vậy, quá trình này còn ở giai đoạn khởi đầu, chưa có khung chung áp dụng rộng rãi.



(Tọa đàm thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế Việt Nam – Ma rốc: nguồn Internet)

Tóm lại, phần lớn các quốc gia châu Phi có cộng đồng Hồi giáo lớn đều đã xây dựng cơ chế chứng nhận Halal, song mức độ phát triển và sự thống nhất còn hạn chế. Các nước như Maroc và Ai Cập đã tiến xa hơn với hệ thống tiêu chuẩn và dấu hiệu Halal quốc gia; trong khi đó, nhiều nước khác vẫn dựa vào các hội đồng Hồi giáo địa phương hoặc các tổ chức tư nhân để thực hiện chứng nhận. Điều này tạo ra sự đa dạng trong cách tiếp cận, nhưng cũng đặt ra thách thức về sự đồng bộ và công nhận lẫn nhau giữa các quốc gia châu Phi cũng như với thị trường Halal toàn cầu.

3. Các quốc gia Nam Á

Khu vực Nam Á là nơi sinh sống của hàng trăm triệu người Hồi giáo (chiếm 31% dân số Hồi giáo thế giới), phân bố rộng khắp từ Pakistan, Bangladesh, Ấn Độ cho tới Sri Lanka, Nepal và Afghanistan. Với số lượng người Hồi giáo đông đảo như vậy, nhu cầu về thực phẩm và sản phẩm Halal là rất lớn. Tuy nhiên, khi xem xét khung pháp lý và hệ thống chứng nhận Halal tại khu vực này, chỉ có Pakistan có hệ thống Tiêu chuẩn Halal quốc gia, các quốc gia Nam Á còn lại đều không có, chứng nhận Halal do tổ chức tư nhân và tôn giáo đảm nhận.

Pakistan là quốc gia duy nhất trong khu vực đã thiết lập hệ thống Halal quốc gia một cách đầy đủ và chính thức. Năm 2016, nước này

ban hành “Đạo luật Halal Pakistan và thành lập Cơ quan Halal Pakistan (Pakistan Halal Authority – PHA) trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. PHA có chức năng xây dựng và ban hành tiêu chuẩn Halal quốc gia, giám sát việc thực thi, đồng thời công nhận và kiểm soát các tổ chức chứng nhận Halal trong và ngoài nước. Điều này có nghĩa là, tại Pakistan, chứng nhận Halal không chỉ là một hoạt động tự phát của các tổ chức tôn giáo hay doanh nghiệp, mà được pháp luật hóa và quản lý tập trung bởi nhà nước. Đây cũng là lý do Pakistan có thể xây dựng thương hiệu “Pakistan Halal” và sử dụng như một dấu hiệu chính thức trên sản phẩm, phục vụ cả thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Ngược lại, ở các quốc gia Nam Á khác, chưa có nước nào xây dựng được một tiêu chuẩn Halal quốc gia mang tính pháp quy như Pakistan. Tại Bangladesh, dù có cộng đồng Hồi giáo chiếm đa số, việc chứng nhận Halal chủ yếu do các tổ chức Hồi giáo hoặc tư nhân như Cơ quan Hồi giáo Bangladesh thực hiện. Cơ quan tiêu chuẩn và Kiểm định quốc gia Bangladesh có ban hành một số quy định về thực phẩm và an toàn, nhưng chưa hình thành bộ tiêu chuẩn Halal toàn diện. Ở Sri Lanka, chứng nhận Halal cũng do tổ chức tôn giáo lớn nhất là Hội đồng Hồi giáo Sri Lanka đảm nhận, chứ không phải cơ quan nhà nước. Ấn Độ với dân số Hồi giáo đứng thứ ba thế giới cũng không có tiêu chuẩn Halal quốc gia; hoạt động chứng nhận do nhiều tổ chức tư nhân và hội đồng Hồi giáo tiến hành, thường dựa vào các tiêu chuẩn quốc tế để phục vụ mục đích xuất khẩu. Tương tự, Nepal và Afghanistan đều chưa ban hành hệ thống Halal

chính thức: Nepal chỉ có một số tổ chức nhỏ cấp chứng chỉ để phục vụ xuất khẩu, còn Afghanistan chủ yếu dựa trên luật Shariah và coi mặc nhiên sản phẩm trong nước là Halal.

Có thể thấy, điểm nổi bật của khu vực Nam Á là sự thiếu thống nhất trong quản lý Halal. Ngoại trừ Pakistan, các nước còn lại đều phụ thuộc vào tổ chức tôn giáo hoặc cơ quan tư nhân trong việc cấp chứng nhận, và phần lớn các chứng nhận này chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu như Trung Đông, Malaysia hay Indonesia.

4. Các quốc gia Đông Nam Á

Đông Nam Á là thị trường Hồi giáo lớn, trong đó có Indonesia là quốc gia có số lượng người Hồi giáo lớn nhất trên thế giới (khoảng 15% dân số Hồi giáo). Bên cạnh đó, Malaysia cũng là thị trường Hồi giáo tiềm năng. Hai thị trường này có tiêu chuẩn Halal và tiêu chuẩn SPS riêng biệt.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

4.1. Indonesia

Đông Nam Á có khoảng 15% tổng dân số Hồi giáo, trong đó Indonesia là quốc gia có số lượng người Hồi giáo nhiều nhất (13%). Gần đây nhất là quy định chính phủ số 42/2024 về việc triển khai quy định sản phẩm Halal. Quy định này nêu rõ trách nhiệm của Chính phủ Indonesia, trong đó Bộ Tôn giáo được giao là cơ quan chủ quản và **BPJPH** (Badan Penyelenggara Jaminan Produk Halal) là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện. BPJPH có chức năng then chốt trong toàn bộ hệ thống, bao gồm: ban hành chính sách, xây dựng tiêu chuẩn, quy trình và tiêu chí về Halal; cấp, gia hạn hoặc thu hồi chứng nhận Halal và nhãn Halal; quản lý đăng ký chứng nhận Halal cho sản phẩm nhập khẩu; thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến về Halal; cũng như quản lý, công nhận và giám sát các tổ chức kiểm tra Halal (LPH) và kiểm toán viên Halal. Ngoài ra, BPJPH còn có quyền hợp tác trong và ngoài nước để đảm bảo tính minh bạch, công nhận lẫn nhau về chứng nhận Halal, và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tuân thủ. Như vậy, BPJPH không chỉ là cơ quan kỹ thuật mà còn đóng vai trò điều phối quốc gia, bảo đảm sự nhất quán của chính sách Halal trong toàn bộ chuỗi cung ứng.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Một số nội dung cơ bản của quy định số 42/2024 như sau:

a. Địa điểm, cơ sở và thiết bị của Quy trình sản phẩm Halal (PPH)

Nội dung này được nêu chi tiết trong Chương III của quy định.

- Chương này nhấn mạnh yêu cầu tách biệt tuyệt đối giữa sản phẩm Halal và sản phẩm không Halal trong tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu dùng.
- Địa điểm, nhà xưởng và thiết bị dùng cho PPH phải được phân chia riêng biệt, được giữ vệ sinh, không nhiễm tạp chất và không sử dụng chung với sản phẩm không Halal.
- Đặc biệt, tại cơ sở giết mổ động vật, quy định yêu cầu phải có hàng rào, khu vực tách biệt và hệ thống xử lý chất thải riêng biệt để tránh lẫn lộn và ô nhiễm chéo.
- Đối với các khâu chế biến, bảo quản, đóng gói, phân phối, bán hàng và phục vụ, thiết bị và dụng cụ đều phải được bố trí tách riêng, có khu vực lưu trữ, vệ sinh và bảo trì độc lập.

b. Doanh nghiệp và người giám sát Halal

Nội dung này được nêu chi tiết trong Chương V của quy định. Chương này xác định trách nhiệm song hành giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong hệ thống JPH.

- Doanh nghiệp có quyền được hỗ trợ thông tin, tập huấn và nhận chứng nhận Halal nhanh chóng, chi phí hợp lý và không phân biệt đối xử. Song song với đó, họ có nghĩa vụ:
 - + Cung cấp thông tin chính xác, minh bạch; thực hiện việc tách biệt cơ sở, thiết bị giữa sản phẩm Halal và không Halal;
 - + Bổ nhiệm Người giám sát Halal (Penyelia Halal) trong nội bộ để kiểm soát quy trình sản xuất;
 - + Báo cáo kịp thời các thay đổi về nguyên liệu, công thức sản phẩm cho BPJPH.

- Người giám sát Halal chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc lập kế hoạch, quản lý rủi ro, giám sát toàn bộ PPH, đưa ra biện pháp khắc phục khi có vi phạm, và làm đầu mối khi cơ quan chức năng hoặc kiểm toán viên đến kiểm tra. Đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, có cơ chế linh hoạt hơn: người giám sát có thể đến từ chính chủ doanh nghiệp, tổ chức tôn giáo, cơ quan chính quyền hoặc các trường đại học, giúp giảm chi phí và tạo thuận lợi cho khối doanh nghiệp này tham gia vào thị trường Halal.

c. Chứng nhận Halal

Chứng nhận Halal là trung tâm của toàn bộ quy định, được nêu trong Chương VI của quy định. Trong đó quy định trình tự thủ tục từ nộp hồ sơ đến cấp chứng nhận.

- Doanh nghiệp phải nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống tích hợp của BPJPH, kèm theo thông tin về doanh nghiệp, sản phẩm, nguyên liệu, quy trình chế biến.
- Sau khi hồ sơ được chấp nhận, BPJPH chỉ định một LPH thực hiện kiểm tra và/hoặc thử nghiệm. Quá trình kiểm tra bao gồm thẩm định tài liệu, thanh tra tại cơ sở sản xuất và có thể lấy mẫu để thử nghiệm tại phòng thí nghiệm khi có nghi ngờ.
- Kết quả kiểm tra được chuyển tới MUI hoặc Ủy ban Fatwa Halal để đưa ra phán quyết tôn giáo (fatwa). Trong vòng ba ngày, MUI phải ra quyết định sản phẩm có Halal hay không. BPJPH sau đó sẽ cấp chứng nhận Halal trong vòng một ngày làm việc.
- Chứng nhận có giá trị vô thời hạn miễn là không có sự thay đổi về thành phần hoặc quy trình sản xuất; nếu có thay đổi, doanh nghiệp bắt buộc phải xin cấp lại.
- Ngoài ra, chương này còn quy định riêng cơ chế chứng nhận cho doanh nghiệp siêu nhỏ (UMK), cho phép dùng tuyên bố Halal đơn giản được xác minh bởi cán bộ hỗ trợ, từ đó giảm gánh nặng thủ tục.

d. Chứng nhận sản phẩm nhập khẩu

Chương XI đặc biệt quan trọng đối với hoạt động thương mại quốc tế. Tất cả các sản phẩm nhập khẩu lưu hành tại Indonesia đều phải có chứng nhận Halal hợp lệ. Có hai cơ chế được chấp nhận:

- Chứng nhận Halal do tổ chức nước ngoài cấp nhưng phải được BPJPH công nhận thông qua cơ chế đăng ký và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (mutual recognition); hoặc
- Chứng nhận Halal được cấp trực tiếp tại Indonesia nếu chứng chỉ nước ngoài không được công nhận. Điều này đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp xuất khẩu sang Indonesia phải lựa chọn đối tác chứng nhận Halal có uy tín, được BPJPH chấp thuận, để sản phẩm không bị gián đoạn khi nhập khẩu.

Ngoài ra, quy định cũng trao cho BPJPH quyền kiểm soát, từ việc thẩm định hồ sơ chứng nhận nước ngoài, đăng ký chứng chỉ, đến việc phối hợp thanh tra, giám sát. Đây là một hàng rào kỹ thuật quan trọng, vừa nhằm bảo vệ người tiêu dùng Hồi giáo tại Indonesia, vừa tạo ra áp lực buộc doanh nghiệp nước ngoài tuân thủ hệ thống tiêu chuẩn Halal của Indonesia nếu muốn tiếp cận thị trường rộng lớn này.

4.2. Malaysia

Tại Malaysia, hệ thống tiêu chuẩn và chứng nhận Halal được quản lý tập trung bởi 2 cơ quan chính:

- Cục Phát triển Hồi giáo Malaysia (Jabatan Kemajuan Islam Malaysia - JAKIM) chịu trách nhiệm trực tiếp về chứng nhận và cấp logo Halal Malaysia, ban hành thủ tục, kiểm tra cơ sở và quyết định cuối cùng trong việc cấp hoặc rút chứng nhận Halal. Đồng thời, JAKIM cũng có vai trò công nhận các tổ chức chứng nhận Halal nước ngoài.
- Cơ quan Tiêu chuẩn Malaysia (Department of Standards Malaysia - DSM) thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sẽ chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn Halal quốc gia (MS). Trong đó, tiêu chuẩn Halal đối với thực phẩm là MS 1500:2019.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Tiêu chuẩn MS 1500:2019 đưa ra những yêu cầu chung nhằm đảm bảo tính toàn vẹn của thực phẩm Halal trong toàn bộ chuỗi sản xuất, từ khâu nguyên liệu, chế biến, bảo quản, vận chuyển cho đến phân phối và tiêu thụ.

- Trước hết, trách nhiệm được đặt lên ban quản lý doanh nghiệp. Họ phải bổ nhiệm nhân sự Hồi giáo có đủ năng lực giám sát việc thực thi các nguyên tắc Halal, đồng thời duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa rủi ro và ghi chép đầy đủ hoạt động. Doanh nghiệp cũng cần cung cấp đầy đủ nguồn lực về con người, cơ sở vật chất và tài chính, cũng như bảo đảm mọi nhân viên được đào tạo và cam kết duy trì tính toàn vẹn Halal trong mọi khâu.
- Về cơ sở sản xuất và trang thiết bị, tiêu chuẩn yêu cầu bố trí mặt bằng hợp lý, tách biệt rõ ràng các khu vực sản xuất để ngăn ngừa nguy cơ nhiễm chéo. Khu vực chế biến phải dễ vệ sinh, dễ giám sát, được giữ sạch sẽ và tránh sinh vật gây hại. Các cơ sở giết mổ, chế biến hay kho bảo quản chỉ được sử dụng cho thực phẩm Halal, tuyệt đối không được dùng chung với sản phẩm Haram. Các yêu cầu cũng nhấn mạnh việc cấm đặt vật thờ cúng trong khu sản xuất, cấm nuôi động vật trong khuôn viên, đồng thời phải có đầy đủ khu vệ sinh và không gian sinh hoạt tôn giáo cho nhân viên Hồi giáo.

- Về dụng cụ, máy móc, thiết bị và chất hỗ trợ chế biến: Những yếu tố này phải được làm từ vật liệu Halal, dễ làm sạch và không được chế tạo từ thành phần bị coi là ô uế (najis). Nếu thiết bị đã từng tiếp xúc với najis al-mughallazah (như lợn hoặc chó), thì phải được làm sạch theo đúng nghi thức “sertu” – rửa bảy lần, trong đó có một lần bằng nước trộn đất – và chỉ được sử dụng lại sau khi có sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền. Hơn nữa, một dây chuyền sau khi đã chuyển đổi sang sản xuất Halal thì chỉ được phép duy trì cho Halal, không được luân chuyển ngược trở lại.
- Về vệ sinh, khử trùng và an toàn thực phẩm: Đây được coi là điều kiện tiên quyết để duy trì tính Halal. Doanh nghiệp phải xây dựng và áp dụng quy trình vệ sinh cá nhân, quần áo bảo hộ, thiết bị, cơ sở sản xuất; đồng thời quản lý rác thải hiệu quả, lưu trữ hóa chất độc hại an toàn, ngăn ngừa nguy cơ nhiễm bẩn vật lý, sinh học, hóa học và tránh việc lạm dụng phụ gia. Các sản phẩm Halal chỉ được sản xuất, đóng gói và phân phối trong những cơ sở đạt chuẩn về thực hành vệ sinh tốt (GHP), thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc các quy định tương đương do cơ quan có thẩm quyền công nhận.
- Đối với quá trình chế biến, tiêu chuẩn quy định rõ nguyên liệu động vật, thực vật, vi sinh vật và hóa chất đều phải có nguồn gốc Halal, không chứa thành phần gây độc hại hoặc say, và không được nuôi, chế biến bằng những chất ô uế. Thịt động vật chỉ được coi là Halal khi được giết mổ theo đúng quy định của Shariah, trong cơ sở đã được công nhận Halal. Ngoài ra, quá trình chế biến không được để xảy ra nhiễm bẩn từ sản phẩm Haram, và mọi thao tác phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vệ sinh được ban hành.

Tóm lại, MS 1500:2019 không chỉ đưa ra các tiêu chuẩn kỹ thuật mà còn xây dựng một hệ thống toàn diện về vệ sinh và chế biến, coi đây là yếu tố then chốt để bảo đảm tính Halal. Những quy định này tạo nên nền tảng tin cậy cho người tiêu dùng Hồi giáo, đồng thời giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín khi tham gia vào thị trường Halal toàn cầu.

CHƯƠNG IV

HỎI ĐÁP VỀ QUY ĐỊNH XUẤT KHẨU VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀO THỊ TRƯỜNG HALAL



Câu hỏi: Tiêu chuẩn Halal là gì? Tại sao khi xuất khẩu sang các nước Hồi giáo lại cần phải có chứng nhận Halal?



Trả lời: Tiêu chuẩn Halal là hệ thống các quy định và yêu cầu liên quan đến việc sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm sao cho phù hợp với giáo luật Hồi giáo (Shariah). Thuật ngữ Halal trong tiếng Ả Rập có nghĩa là “được phép”, trái ngược với Haram là “bị cấm”. Theo đó, các sản phẩm đạt tiêu chuẩn Halal phải đảm bảo không chứa các thành phần bị cấm như thịt lợn, rượu, máu hay các chất gây nghiện; nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp theo Hồi giáo; quy trình sản xuất, chế biến không bị ô nhiễm chéo với nguyên liệu haram; trang thiết bị, kho bãi, phương tiện vận chuyển được làm sạch theo quy định; và nếu có giết mổ động vật thì phải do người Hồi giáo thực hiện đúng nghi thức Halal. Ngoài ra, bao bì và nhãn mác cũng phải thể hiện thông tin trung thực, không trái với giáo lý Hồi giáo. Mỗi quốc gia Hồi giáo có thể ban hành tiêu chuẩn Halal riêng, song nhìn chung đều tuân thủ theo các nguyên tắc thống nhất của Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) và Viện Tiêu chuẩn và Đo lường các nước Hồi giáo (SMIIC).

Việc có chứng nhận Halal là yêu cầu bắt buộc khi xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là thực phẩm, đồ uống, mỹ phẩm hoặc dược phẩm, sang các quốc gia Hồi giáo. Đây là quy định pháp lý tại nhiều nước như Indonesia, Malaysia, Brunei, Pakistan hay Ả Rập Xê Út, nhằm đảm bảo rằng chỉ những sản phẩm hợp chuẩn Halal mới được phép nhập khẩu và lưu hành trên thị trường. Bên cạnh yếu tố pháp lý, chứng nhận Halal còn giúp doanh nghiệp tạo niềm tin với người tiêu dùng Hồi giáo, nâng cao uy tín, mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh quốc tế. Sản phẩm có chứng nhận Halal không chỉ được chấp nhận tại các nước Hồi giáo mà còn được ưa chuộng tại những quốc gia có cộng đồng Hồi giáo lớn như châu Âu hay Mỹ. Như vậy, tiêu chuẩn Halal không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo mà còn là một rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế, đóng vai trò như “giấy thông hành” để doanh nghiệp tiếp cận hơn 1,9 tỷ người tiêu dùng Hồi giáo trên toàn cầu.



Câu hỏi: Chỉ cần có giấy chứng nhận tiêu chuẩn Halal là có thể xuất khẩu sản phẩm đi các nước Hồi giáo phải không?



Trả lời: Không đúng. Việc có giấy chứng nhận Halal là điều kiện cần thiết nhưng chưa đủ để doanh nghiệp có thể xuất khẩu sản phẩm sang các nước Hồi giáo. Giấy chứng nhận Halal chứng minh rằng sản phẩm đã được sản xuất, chế biến, bảo quản và

vận chuyển phù hợp với quy định của Hồi giáo. Tuy nhiên, mỗi quốc gia Hồi giáo lại có hệ thống quản lý, quy định và yêu cầu riêng đối với việc công nhận chứng nhận Halal. Do đó, chỉ có giấy chứng nhận Halal thông thường chưa đảm bảo rằng sản phẩm sẽ được phép nhập khẩu vào thị trường của họ.

Trong thực tế, để được chấp thuận, giấy chứng nhận Halal phải được cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu công nhận. Ví dụ, Malaysia chỉ chấp nhận chứng nhận Halal do các tổ chức được Cơ quan Phát triển Hồi giáo Malaysia (JAKIM) công nhận; Indonesia yêu cầu chứng nhận phải do Cơ quan Bảo đảm Sản phẩm Halal (BPJPH) hoặc các tổ chức nước ngoài đã được BPJPH phê duyệt cấp; còn các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GCC) như Ả Rập Xê Út, UAE, Qatar hay Oman lại chỉ chấp nhận chứng nhận từ các tổ chức nằm trong danh sách được cơ quan công nhận của họ như GAC hoặc SASO phê duyệt.

Ngoài yêu cầu về chứng nhận Halal, doanh nghiệp còn phải đáp ứng nhiều điều kiện nhập khẩu khác, bao gồm quy định về kiểm dịch động thực vật, an toàn thực phẩm, ghi nhãn sản phẩm và thậm chí là đăng ký sản phẩm trước khi nhập khẩu. Các yếu tố này đều được xem xét đồng thời với chứng nhận Halal để đảm bảo sản phẩm tuân thủ toàn bộ quy định của quốc gia Hồi giáo nhập khẩu.

Tóm lại, chứng nhận Halal là điều kiện bắt buộc nhưng không phải là yếu tố duy nhất để hàng hóa có thể thâm nhập thị trường Hồi giáo. Doanh nghiệp cần đảm bảo rằng chứng nhận Halal của mình được công nhận hợp lệ tại thị trường mục tiêu, đồng thời tuân

thủ đầy đủ các quy định về nhập khẩu, an toàn thực phẩm và ghi nhãn theo yêu cầu của từng quốc gia. Chỉ khi đáp ứng toàn diện các yêu cầu này, sản phẩm mới có thể được phép xuất khẩu và lưu hành tại các nước Hồi giáo một cách hợp pháp và bền vững.



Câu hỏi: Khi xuất khẩu sang các nước Hồi giáo, nếu sản phẩm có chứng nhận Halal và chứng nhận kiểm dịch an toàn thực phẩm thì có phải kiểm tra tại cửa khẩu nữa không?



Trả lời: Mặc dù có các giấy chứng nhận hợp lệ, các lô hàng vẫn sẽ được lấy mẫu kiểm tra theo quy định của nước nhập khẩu. Ví dụ nếu sản phẩm xuất khẩu sang UAE thì:

- Nếu nhập khẩu sản phẩm thực phẩm lần đầu tiên, tốt nhất tham khảo Bộ phận Y tế Công cộng của Thành phố Sharjah để biết các quy tắc và quy định nhập khẩu. Có thể cần phải gửi mẫu thực phẩm đến phòng thí nghiệm thực phẩm của Thành phố Sharjah để đảm bảo rằng thực phẩm đó an toàn để tiêu thụ và tuân thủ các thông số kỹ thuật, quy định về nhãn mác và thời hạn sử dụng của UAE.
- Tất cả các lô hàng nhập khẩu đều được kiểm tra thực tế. Các loại thực phẩm như thức ăn trẻ em, dầu ăn, sữa và các sản phẩm từ sữa đều phải trải qua quá trình kiểm tra trong phòng thí nghiệm. Các lô hàng sẽ chỉ được thông quan sau khi có kết quả xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, mất khoảng ba đến bốn ngày làm việc. Đối với những khách

hàng có kho hàng tại nơi nhập cảnh, lô hàng có thể được lưu giữ tại đó trong thời gian này.

- Các lô hàng được kiểm tra thực tế và không yêu cầu thử nghiệm mẫu sẽ được thông quan trong vòng một giờ, nếu chúng tuân thủ tất cả các quy định; điều này tùy thuộc vào số lượng mặt hàng trong lô hàng và khả năng kiểm dịch.



Câu hỏi: Doanh nghiệp tôi đang sản xuất xúc xích từ thịt lợn. Sản phẩm này có thể xuất khẩu sang thị trường Halal được không?



Trả lời: Không được. Thịt lợn được cho là sản phẩm cấm sử dụng “Haram” trong Hồi giáo nên không thể xuất khẩu thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn vào thị trường Hồi giáo.



Câu hỏi: Doanh nghiệp tôi muốn xuất khẩu cà rốt tươi sang thị trường Hồi giáo như Indonesia, Malaysia thì chúng tôi có cần phải có chứng nhận Halal cho cà rốt tươi không?



Trả lời: Không cần. Đối với sản phẩm thực vật chưa chế biến, doanh nghiệp chỉ cần đáp ứng được các yêu cầu về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật của thị trường xuất khẩu là có thể xuất khẩu được.



Câu hỏi: Theo tôi được biết, hiện tại không phải tất cả các tổ chức chứng nhận tại Việt Nam được các nước Hồi giáo công nhận. Trường hợp doanh nghiệp tôi có chứng nhận Halal của tổ chức chưa được công nhận thì có thể xuất khẩu sang thị trường Hồi giáo được không?



Trả lời: Doanh nghiệp vẫn có thể xuất khẩu sang những thị trường Hồi giáo nhỏ. Tuy nhiên đối với thị trường Hồi giáo lớn như Indonesia, Malaysia, hay các nước vùng Vịnh GCC thì bắt buộc phải có chứng nhận Halal từ các tổ chức được các thị trường này công nhận.



Câu hỏi: Doanh nghiệp tôi muốn xuất khẩu thịt gà chế biến sang thị trường Indonesia, chúng tôi chỉ cần chứng nhận Halal hay phải có cả các chứng nhận thú y cho sản phẩm này?



Trả lời: Doanh nghiệp để có thể xin chứng nhận Halal cho sản phẩm thịt gà chế biến thì doanh nghiệp đó phải cung cấp các chứng chỉ liên quan đến an toàn thực phẩm và vệ sinh thú y. Do vậy, doanh nghiệp cần phải có cả các chứng nhận thú y để xin chứng nhận Halal và xuất khẩu.



Câu hỏi: Doanh nghiệp tôi sản xuất, chế biến thịt gia cầm và thịt lợn. Tôi được biết thị trường Hồi giáo không sử dụng thịt lợn, vậy với thịt gia cầm chế biến tôi có thể xuất khẩu vào thị trường Hồi giáo được không?



Trả lời: Có thể được. Vì thịt lợn được xem là bị cấm đối với tín ngưỡng của người Hồi giáo nên trước tiên doanh nghiệp cần tách riêng hai dây chuyền sản xuất, chế biến thịt lợn và thịt gia cầm. Sau đó, quy trình giết mổ, chế biến đều phải tuân theo quy định Halal. Quá trình này sẽ được đánh giá trong quá trình xin cấp giấy chứng nhận Halal cho sản phẩm. Khi được cấp giấy chứng nhận Halal, doanh nghiệp có thể xuất khẩu thịt gia cầm sang thị trường Hồi giáo.



Câu hỏi: Giấy chứng nhận Halal có thời hạn không?



Trả lời: Giấy chứng nhận Halal có thời hạn và thường không vĩnh viễn. Thông thường, chứng chỉ có giá trị trong vòng 1 đến 3 năm tùy thuộc vào chương trình chứng nhận (JAKIM, MUI thường 1 năm, GCC có thể 3 năm). Sau thời gian này, doanh nghiệp phải thực hiện đánh giá lại để gia hạn. Thông thường sau 6 tháng hoặc 1 năm, tổ chức chứng nhận sẽ tiến hành đánh giá lại (giám sát) để đảm bảo doanh nghiệp vẫn tuân thủ. Khi giấy chứng nhận sắp hết hạn, doanh nghiệp cần nộp hồ sơ tái đánh giá trước khi giấy chứng nhận hết hạn (thường là 1-3 tháng). Do đó, doanh nghiệp cần lưu ý thời hạn trên chứng chỉ để làm thủ tục đánh giá lại đúng hạn, tránh gián đoạn xuất khẩu.

CHƯƠNG V

MỘT SỐ THÔNG BÁO DỰ THẢO/CÓ HIỆU LỰC VỀ SPS TỪ CÁC QUỐC GIA HỒI GIÁO TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY



Ai Cập

1. Tại thông báo số G/SPS/N/EGY/169 ngày 18/9/2025 về Nghị định Bộ trưởng số 248/2025 quy định cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 3 – 5 “Thức ăn chế biến – Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi – Phần 5: Hạt lúa mạch trong thức ăn chăn nuôi”. Tiêu chuẩn này tuân thủ theo Nghị định số 1498/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Ai Cập về quy định, sản xuất, lưu thông và kiểm soát thức ăn chăn nuôi.

2. Tại thông báo số G/SPS/N/EGY/166 ngày 18/9/2025 về Nghị định Bộ trưởng số 248/2025 quy định cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 154 – 02 “Sữa và các sản phẩm từ sữa – Phần 2: Kem và các loại

kem chế biến”. Các nhà sản xuất và nhập khẩu được thông báo về bất kỳ sửa đổi nào trong các tiêu chuẩn của Ai Cập thông qua việc công bố các lệnh hành chính trên công báo chính thức.

3. Tại thông báo số G/SPS/N/EGY/165 ngày 18/9/2025 về Nghị định Bộ trưởng số 248/2025 quy định cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 414 – 01 “Tôm và thịt cua đóng hộp – Phần 1: Tôm hoặc tôm sú đóng hộp”. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu cơ bản và tiêu chí mô tả đối với tôm đóng hộp, cũng như các phương pháp kiểm tra và thử nghiệm.

4. Tại thông báo số G/SPS/N/EGY/162 ngày 17/7/2025 về Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES-1521 về “Cá đóng hộp” quy định các yêu cầu cơ bản và các tiêu chí mô tả đối với sản phẩm cá đóng hộp, cùng với các phương pháp kiểm tra và thử nghiệm.

5. Tại thông báo số G/SPS/N/EGY/161 ngày 17/7/2025 về Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1748 quy định các yêu cầu cơ bản và các chỉ tiêu đối với “đậu Hà Lan đông lạnh” được chế biến và sử dụng nhằm tiêu thụ trực tiếp, kể cả cho mục đích chế biến thực phẩm, mà không qua bất kỳ công đoạn chế biến nào khác ngoài việc phân loại kích thước hoặc đóng gói lại khi cần thiết.

6. Tại thông báo số G/SPS/N/EGY/160 ngày 17/7/2025 về Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 2063 quy định các yêu cầu cơ bản và các chỉ tiêu đối với thuốc lá hương vị trái cây. Dự thảo quy định các thành phần của nó và tỷ lệ các thành phần pha trộn được thêm vào. Điều đáng chú ý là bản dự thảo tiêu chuẩn này được xây dựng dựa trên các nghiên cứu trong nước. Các nhà sản xuất và nhập khẩu được thông báo về bất kỳ sửa đổi nào đối với các tiêu chuẩn của Ai Cập thông qua việc công bố các lệnh hành chính trên công báo chính thức.

7. Tại thông báo số G/SPS/N/EGY/158 ngày 17/7/2025 về Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 6933 quy định các yêu cầu cơ bản và các tiêu chí mô tả đối với “súp lơ đông lạnh nhanh”, như định nghĩa

tại mục (2) của Tiêu chuẩn này, sản phẩm súp lơ đông lạnh nhanh dùng để tiêu thụ trực tiếp, bao gồm cả cho mục đích chế biến thực phẩm, mà không qua bất kỳ công đoạn sản xuất nào khác ngoài việc phân loại kích thước hoặc đóng gói lại khi cần thiết.

Các Tiêu Vương quốc Ả rập thống nhất UAE

1. Tại các thông báo số G/SPS/N/ARE/299, G/SPS/N/BHR/253, G/SPS/N/KWT/180, G/SPS/N/OMN/148, G/SPS/N/QAT/152, G/SPS/N/SAU/570, G/SPS/N/YEM/93, G/SPS/N/YEM/92 ngày 29/7/2025 về Giới hạn tối đa cho các chất gây ô nhiễm và chất độc hại trong thực phẩm. Tiêu chuẩn này giới hạn ở mức tối đa cho các chất gây ô nhiễm và chất độc hại tự nhiên trong thực phẩm, trong trường hợp chất gây ô nhiễm có trong thực phẩm có thể truyền sang thức ăn chăn nuôi và có thể liên quan đến sức khỏe cộng đồng. Tiêu chuẩn này dựa theo Tiêu chuẩn của Ủy ban Codex.

2. Tại các thông báo số G/SPS/N/ARE/298, G/SPS/N/BHR/252, G/SPS/N/KWT/177, G/SPS/N/OMN/147 G/SPS/N/QAT/151, G/SPS/N/SAU/569, G/SPS/N/YEM/92 ngày 07/7/2025 về Yêu cầu chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen chưa qua chế biến. Tiêu chuẩn đề cập đến các yêu cầu chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi chưa qua chế biến thu được thông qua một số kỹ thuật biến đổi gen và các sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến có chứa hoặc được sản xuất từ sinh vật biến đổi gen (GMO) nếu GMO được phát hiện lớn hơn 1%.

3. Tại thông báo số G/SPS/N/ARE/297, G/SPS/N/BHR/251 G/SPS/N/KWT/176, G/SPS/N/OMN/146 G/SPS/N/QAT/150, G/SPS/N/SAU/568 G/SPS/N/YEM/91 ngày 07/7/2025 về Yêu cầu chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen đã qua chế biến. Tiêu chuẩn đề cập đến các yêu cầu chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến thu được thông qua một số kỹ thuật biến đổi gen, thực phẩm và thức ăn chăn nuôi chế biến có chứa hoặc được sản xuất từ sinh vật biến đổi gen (GMO)

nếu GMO được phát hiện lớn hơn 1% (thành phần được xem xét riêng lẻ hoặc khi sản phẩm chỉ bao gồm một thành phần duy nhất).

4. Tại thông báo số G/SPS/N/ARE/295 ngày 22/5/2025 về Hướng dẫn quốc gia về đăng ký cơ quan quản lý và cơ sở thực phẩm xuất khẩu sang các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất.

Hướng dẫn này nhằm trình bày các thủ tục và thông lệ thương mại mà các cơ sở sản xuất thực phẩm nước ngoài xuất khẩu sản phẩm thực phẩm vào UAE phải tuân thủ. Các thủ tục được thực hiện thông qua cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm tại quốc gia xuất khẩu. Mục tiêu:

- Đảm bảo an toàn và chất lượng thực phẩm xuất khẩu sang UAE;
- Đảm bảo thực phẩm nhập khẩu được sản xuất và xử lý trong điều kiện vệ sinh tại các cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn về y tế, thú y và an toàn thực phẩm;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu thực phẩm vào UAE;
- Tăng cường các biện pháp kiểm soát thực phẩm và xác định các rủi ro an toàn thực phẩm tiềm ẩn trước khi sản phẩm nhập khẩu vào UAE;
- Đánh giá việc tuân thủ của các cơ sở nước ngoài với yêu cầu của cơ quan quản lý và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm hiện hành;
- Đơn giản hóa thủ tục thông quan đối với thực phẩm nhập khẩu, tạo cơ sở cho các cơ quan chức năng UAE đưa ra quyết định chấp nhận hoặc từ chối có căn cứ;
- Đảm bảo thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Luật Liên bang số (10) năm 2015 về an toàn thực phẩm, cũng như các thông số kỹ thuật, quy định kỹ thuật và luật liên quan của UAE.

5. Tại thông báo số G/SPS/N/ARE/294 ngày 10/02/2025 về Dự thảo quy định kỹ thuật liên quan đến các yêu cầu phải tuân thủ trong sản xuất thực phẩm đóng hộp có độ axit thấp, thực phẩm được axit hóa, thực phẩm có độ axit thấp được xử lý nhiệt và thực phẩm được

axit hóa. Quy định này không áp dụng cho các sản phẩm thực phẩm đông lạnh và ướp lạnh, đồ uống có ga, nước, đồ uống có tính axit, thực phẩm có tính axit, mứt, thạch, giấm, các sản phẩm sữa lên men, thực phẩm có tính axit chứa một lượng nhỏ thực phẩm có độ axit thấp, hoặc thực phẩm không hỗ trợ sự phát triển của *Clostridium botulinum*.

6. Tại thông báo số G/SPS/N/ARE/293 ngày 03/02/2025 về Dự thảo quy định kỹ thuật đối với thực phẩm bổ sung dành cho thể thao. Các sản phẩm thể thao bao gồm thực phẩm và đồ uống dành cho thể thao (ví dụ: dạng bột, dạng lỏng, viên nhai hoặc viên sủi, và thanh năng lượng), chủ yếu bao gồm carbohydrate, chất béo, protein hoặc axit amin, và một hoặc nhiều thành phần sau được thêm vào trong quá trình chế biến: axit amin, vitamin và khoáng chất. Các chiết xuất thực vật không được sử dụng để giảm cân hoặc như một phần của điều trị y tế. Chúng bao gồm (thực phẩm bổ sung giàu carbohydrate, thực phẩm bổ sung năng lượng protein, thực phẩm bổ sung năng lượng, thực phẩm bổ sung thể thao cho các mục đích khác).

Indonesia

1. Tại thông báo số G/SPS/N/IDN/149/Add/.1 ngày 06/8/2025 về quản lý các giấy tờ xuất khẩu và nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật, cá và sản phẩm cá, thực vật và sản phẩm thực vật vào và/hoặc từ lãnh thổ Cộng hòa Indonesia.

Tập trung vào lĩnh vực kiểm dịch Thủy sản, Cơ quan kiểm dịch Indonesia (Indonesia Quarantine Authority – IQA) quản lý các giấy tờ xuất khẩu cá và sản phẩm cá từ Indonesia sang các nước nhập khẩu. Giấy tờ do IQA quản lý là Giấy chứng nhận sức khỏe (HC KI-1) với mã số KI-1, theo quy định của Nghị định số 9 năm 2024 của Chủ tịch Cơ quan Kiểm dịch Indonesia. Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và chất lượng sản phẩm thủy sản, IQA với tư cách là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận sức khỏe xuất khẩu cá và sản phẩm cá từ Indonesia sang các nước nhập khẩu. Giấy tờ này

chứng nhận cá và sản phẩm cá đã đáp ứng các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn do nước nhập khẩu yêu cầu, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các thủ tục hải quan và kiểm dịch. Ngoài ra, đối với việc nhập khẩu cá và sản phẩm cá vào lãnh thổ Cộng hòa Indonesia, IQA quy định về Tiền thông báo (mã tài liệu: K-1.2) và Thông báo về việc không tuân thủ (mã tài liệu: K-7.4).

2. Tại thông báo số G/SPS/N/IDN/156 ngày 30/6/2025 về quy định liên quan đến các loại dịch hại và bệnh kiểm dịch ở cá, sinh vật gây bệnh, phân nhóm và vật mang bệnh. Cơ quan Kiểm dịch Indonesia (IQA) quy định các thủ tục về biện pháp kiểm dịch và giám sát tích hợp theo Quyết định số 14 năm 2024 của Giám đốc cơ quan kiểm dịch đã được thông báo trong G/SPS/N/IDN/154 ngày 08/01/2025 và G/SPS/N/IDN/154/Corr.1 ngày 21/01/2025, tập trung vào định dạng Giấy chứng nhận kiểm dịch (HC) cho việc xuất khẩu cá và các sản phẩm thủy sản vào Indonesia.

Theo định dạng HC, tất cả các nước xuất khẩu phải tuân thủ các yêu cầu nhập khẩu của Indonesia, đặc biệt là việc khai báo không có bệnh động vật thủy sản trong danh sách WAOH cung cấp và không có bệnh động vật thủy sản thuộc danh mục kiểm dịch, theo quy định của Indonesia. Cơ quan kiểm dịch Indonesia quy định các loại sâu bệnh kiểm dịch của cá, sinh vật gây bệnh, phân nhóm và vật mang bệnh theo Quy định số 677 năm 2025.

3. Tại thông báo số G/SPS/N/IDN/155 ngày 25/2/2025 về Quy định của Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Indonesia số 19 năm 2024 về Kiểm soát Sản phẩm Thực phẩm Biến đổi gen. Quy định sửa đổi, bổ sung của Quy định số 6 năm 2018 của FDA Indonesia về kiểm soát các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen sẽ thay thế quy định cũ ngay khi có hiệu lực. Quy định sửa đổi, bổ sung nêu rõ các điều khoản chung, yêu cầu và tiêu chí phê duyệt an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen, dán nhãn thực phẩm biến đổi gen, kiểm soát an toàn thực phẩm, quản lý các tác động tiêu cực tiềm ẩn của các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen đối với sức khỏe con

người kèm phụ lục quy định các hướng dẫn để tiến hành đánh giá an toàn thực phẩm biến đổi gen.

Nội dung sửa đổi bao gồm:

- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen có yếu tố đơn lẻ;
- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen có đưa nhiều gen vào trong quá trình chuyển đổi hoặc thông qua lai tạo nhiều gen
- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm tinh chế cao được sản xuất bởi các vi sinh vật biến đổi gen.

4. Tại thông báo số G/SPS/N/IDN/154 ngày 08/01/2025 về Quy trình Kiểm dịch và Giám sát Tích hợp theo Nghị định số 14 năm 2014 của Người đứng đầu Cơ quan Kiểm dịch Indonesia. Quy định này điều chỉnh các thủ tục kiểm dịch và giám sát tích hợp, bao gồm các yêu cầu và thủ tục nhập khẩu cá và sản phẩm cá vào lãnh thổ Indonesia, cũng như mẫu Giấy chứng nhận sức khỏe (Health Certificate - HC) phải được cấp từ nước xuất xứ đối với cá và sản phẩm cá xuất khẩu sang Indonesia, mẫu HC này do Cơ quan Kiểm dịch Indonesia quy định.

Burundi

1. Tại thông báo số G/SPS/N/BDI/143, G/SPS/N/KEN/347 G/SPS/N/RWA/136, G/SPS/N/TZA/474 G/SPS/N/UGA/454 ngày 02/10/2025 về Tiêu chuẩn DEAS 1267: 2025, Dầu ớt - Thông số kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu ớt dùng cho người tiêu dùng. Dự thảo này cũng đã được thông báo theo Ủy ban TBT.

2. Tại thông báo số G/SPS/N/BDI/139, G/SPS/N/KEN/342 G/SPS/N/RWA/132, G/SPS/N/TZA/460 G/SPS/N/UGA/450 ngày

23/6/2025 về DEAS 44: 2025, Sản phẩm ngô xay xát - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ sáu. Đây là dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột ngô nguyên cám, bột ngô dạng mảnh, bột ngô đã rây, bột ngô xay và bột ngô từ hạt ngô thông thường (*Zeamays L.*) dùng làm thực phẩm cho con người.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các sản phẩm ngô xay bổ sung dinh dưỡng và bột ngô xay dùng để nấu bia, sản xuất tinh bột và bất kỳ mục đích sử dụng công nghiệp nào khác.

3. Tại thông báo số G/SPS/N/BDI/137, G/SPS/N/KEN/340 G/SPS/N/RWA/130, G/SPS/N/TZA/458 G/SPS/N/UGA/448 ngày 23/6/2025 về DEAS 282: 2025, Bột mì semolina - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột mì semolina được chế biến từ hỗn hợp lúa mì thông thường (*Triticum aestivum L.*) hoặc lúa mì thuộc nhóm club (*Triticum compactum Host.*), hoặc hỗn hợp của các loại lúa mì này kết hợp với lúa mì cứng (*Triticum durum Desf.*) và bột mì semolina được chế biến từ lúa mì cứng (*Triticum durum Desf.*), dùng cho người tiêu dùng.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho bột mì semolina dùng trong công nghiệp phi thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

4. Tại thông báo số G/SPS/N/BDI/134, G/SPS/N/KEN/337 G/SPS/N/RWA/127, G/SPS/N/TZA/455 G/SPS/N/UGA/445 ngày 23/6/2025 về Tiêu chuẩn DEAS 1270:2025, Hạt lúa mạch đen - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với lúa mạch đen thông thường (*Secale cereale L.*) dùng cho con người.

5. Tại thông báo số G/SPS/N/BDI/133, G/SPS/N/KEN/336 G/SPS/N/RWA/126, G/SPS/N/TZA/454 G/SPS/N/UGA/444 ngày 23/6/2025 về Tiêu chuẩn DEAS 1268:2025, Bột gạo - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột gạo

thu được từ quá trình xay xát gạo của các giống lúa trồng từ hạt gạo, *Oryza spp.* dùng làm thực phẩm cho con người.

6. Tại thông báo số G/SPS/N/BDI/132, G/SPS/N/KEN/335, G/SPS/N/RWA/125, G/SPS/N/TZA/453, G/SPS/N/UGA/442 ngày 13/5/2025 về DEAS 1265: 2025, Hạt đậu Hà Lan - Yêu cầu chứng nhận, Ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận đối với việc sản xuất hạt đậu Hà Lan (*Pisum sativum*) các cấp: tiền cơ bản, cơ bản, đã chứng nhận và tiêu chuẩn. tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu về giống đủ điều kiện, tiêu chuẩn canh tác, kiểm tra đồng ruộng, lấy mẫu hạt giống, yêu cầu phòng thí nghiệm, cấp giấy chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và kiểm tra hậu kiểm.

7. Tại thông báo số G/SPS/N/BDI/128, G/SPS/N/KEN/325, G/SPS/N/RWA/121, G/SPS/N/TZA/423, G/SPS/N/UGA/414 ngày 09/01/2025 về DEAS 1242: 2025, Thịt chế biến - Quy tắc thực hành, Ấn phẩm đầu tiên. Dự thảo này quy định các yêu cầu đối với sản phẩm thịt có chứa không ít hơn 300 g/kg thịt, trong đó thịt, dù là riêng lẻ hay kết hợp với các thành phần hoặc phụ gia khác, đã trải qua phương pháp chế biến khác với việc lọc xương, thái lát, thái hạt lựu, băm nhỏ hoặc đông lạnh, và bao gồm thịt chế biến sẵn và thịt đã qua xử lý và/hoặc sấy khô ở dạng miếng hoặc khối nguyên vẹn.

Tanzania

1. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/448 ngày 02/5/2025 về CD-ARS 1816:2025, Sô cô la và các sản phẩm từ sô cô la - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. Tiêu chuẩn Châu Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sô cô la và các sản phẩm từ sô cô la dành cho người tiêu dùng.

2. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/449 ngày 02/5/2025 về CD-ARS 2171:2025, Trà đá - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trà đá dành cho người tiêu dùng.

3. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/447 ngày 14/4/2025 về Tiêu chuẩn liên quan đến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cô đặc cho gia cầm - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cô đặc được sử dụng để sản xuất thức ăn hỗn hợp cho gia cầm.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho cho nhóm gia cầm sau:

- a) Gà con và gà tây con;
- b) Gà/gà tây giai đoạn sinh trưởng;
- c) Gà nuôi lấy thịt - giai đoạn đầu và xuất chuồng;
- d) Gà đẻ;
- e) Gà làm giống.

4. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/446 ngày 14/4/2025 về Tiêu chuẩn liên quan đến Thức ăn hỗn hợp cho gà bản địa - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho gà bản địa, dùng làm thức ăn bổ sung cho gà lấy thịt giai đoạn tăng trưởng, xuất chuồng và gà đẻ.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các loại gia cầm bản địa khác đã được thuần hoá.

5. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/442 ngày 14/4/2025 về Tiêu chuẩn liên quan đến Hạt tiêu đen và trắng (nguyên hạt hoặc xay) - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản thứ tư. Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng thuộc loài *Piper nigrum* L. ở dạng nguyên hạt và dạng xay.

6. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/440 ngày 14/4/2025 về Tiêu chuẩn liên quan đến Dầu thực phẩm từ hạt phi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu thực phẩm có nguồn gốc từ nhân quả phi (*Corylus avellana* L.) dành cho mục đích tiêu dùng của con người.

7. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/433 ngày 14/4/2025 về Tiêu chuẩn DARS 1834: 2024, Thức ăn hỗn hợp cho lợn – Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho lợn.

8. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/431 ngày 14/4/2025 về Tiêu chuẩn DARS 1827: 2024. Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho gia súc.

9. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/430 ngày 14/4/2025 về Tiêu chuẩn DARS 1827: 2024 Thức ăn hỗn hợp cho cá – Đặc điểm kỹ thuật – Phần 1: Cá rô phi và cá da trơn, Ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho cá. Tiêu chuẩn này áp dụng cho thức ăn cá rô phi và cá da trơn.

10. Tại thông báo số G/SPS/N/TZA/429 ngày 18/2/2025 về Tiêu chuẩn Hỗn hợp thức ăn gia cầm – Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hỗn hợp thức ăn gia cầm (hỗn hợp vitamin và khoáng vi lượng).

Tiêu chuẩn áp dụng cho các loài gia cầm cụ thể như sau: gà, gà tây, vịt, ngỗng, chim cú và đà điểu.

Nepal

1. Tại thông báo số G/SPS/N/NPL/47 ngày 10/3/2025 về Dự thảo Tiêu chuẩn Chất lượng và An toàn cho Yến Mạch cán dẹt. Bộ Công nghệ Thực phẩm và Kiểm soát Chất lượng, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Chăn nuôi Nepal, đã đề xuất tiêu chuẩn chất lượng và an toàn đối với yến mạch cán dẹt nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, kiểm soát chất lượng và an toàn sản phẩm, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại an toàn.

Uganda

1. Tại thông báo số G/SPS/N/UGA/435 ngày 06/3/2025 về Tiêu chuẩn DUS DARS 1272:2025, Cơ sở giết mổ – Các yêu cầu cơ bản, ấn bản đầu tiên. Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu cơ bản đối với cơ sở giết mổ nhằm đảm bảo an toàn và chất lượng thịt cũng như các sản phẩm từ thịt. Việc kiểm tra và lập hồ sơ phải đảm bảo bảo vệ sức khỏe con người và động vật khỏi các mối nguy hiểm trực tiếp và gián tiếp, đặc biệt là:

- Bảo vệ người tiêu dùng khỏi các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, nhiễm trùng xương thịt, ngộ độc và các mối nguy hiểm liên quan đến việc xử lý hoặc tiếp xúc lại của động vật sau khi giết mổ;
- Bảo vệ người chế biến thịt khỏi các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người trong môi trường làm việc;
- Bảo vệ vật nuôi khỏi bệnh truyền nhiễm, ngộ độc và các bệnh khác, có thể phát hiện được khi kiểm tra thịt và phù hợp với các quy định về sức khỏe động vật có liên quan;
- Đảm bảo phúc lợi động vật
- Giảm thiểu tác động đến môi trường.

2. Tại thông báo số G/SPS/N/UGA/432 ngày 28/2/2025 về Phúc lợi động vật trong trang trại – Gà đẻ trứng, ấn bản đầu tiên. Bản dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu đối với gà đẻ trứng bao gồm gà mái nuôi để sản xuất trứng thương mại phục vụ nhu cầu tiêu dùng của con người và gà mái tơ từ khi nở cho đến khi trưởng thành.

Tiêu chuẩn này đề cập đến các khía cạnh phúc lợi của gà mái đẻ thương mại, bao gồm hệ thống nuôi nhốt và không nuôi nhốt trong lồng, cũng như hệ thống trong nhà và ngoài trời.

3. Tại thông báo số G/SPS/N/UGA/431 ngày 28/2/2025 về Bộ quy tắc thực hành về xử lý và chăm sóc bò sữa – Ấn bản đầu tiên. Dự

thảo của Uganda quy định các biện pháp thực hành tốt nhất được khuyến nghị trong chăn nuôi, chăm sóc và xử lý bò sữa để đảm bảo an toàn, chất lượng, tính phù hợp của sữa và các sản phẩm từ sữa.

Sữa phải được sản xuất từ động vật khỏe mạnh bằng cách áp dụng các biện pháp quản lý bền vững theo góc độ phúc lợi động vật, xã hội, kinh tế và môi trường để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại. Để đạt được mục tiêu này, cần áp dụng các biện pháp thực hành tốt trong các lĩnh vực: sức khỏe động vật, dinh dưỡng (thức ăn và nước), phúc lợi động vật, môi trường, vệ sinh khi vắt sữa và quản lý kinh tế xã hội.

Malaysia

1. Tại thông báo số G/SPS/N/MYS/65 ngày 16/4/2025 về dự thảo sửa đổi Phụ lục V của Quy định về chiếu xạ thực phẩm 2011 (P.U. (A) 143/2011) nhằm bổ sung 4 loại vật liệu đóng gói mới sử dụng cho thực phẩm chiếu xạ ở cùng cùng liều lượng chiếu xạ tối đa được phép (kGy).

Tiêu chuẩn Codex đưa ra hướng dẫn chung về chiếu xạ thực phẩm nhưng không quy định cụ thể các loại vật liệu đóng gói được phép. Trong khi đó, Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã ban hành các quy định chi tiết và danh mục vật liệu đóng gói được phê duyệt để sử dụng trong quá trình chiếu xạ thực phẩm đóng gói sẵn. Do đó, bản Dự thảo sửa đổi này sẽ được điều chỉnh phù hợp với FDA 21 CFR Phần 179, Mục 179.

Kenya

1. Tại thông báo số G/SPS/N/KEN/330 ngày 16/4/2025 về DKS 2431: 2025, Tỏi xay nhuyễn – Đặc điểm kỹ thuật. Đây là dự thảo Tiêu chuẩn Kenya quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nước tỏi cô đặc và tỏi tươi xay nhuyễn.

2. Tại thông báo số G/SPS/N/KEN/330 ngày 16/4/2025 về Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với sản phẩm gừng cô đặc và gừng tươi xay nhuyễn.

3. Tại thông báo số G/SPS/N/KEN/328 ngày 06/3/2025 về DKS 3035:2025, Hạt lanh để chiết xuất dầu – Đặc điểm kỹ thuật. Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt lanh (*Linum usitatissimum*) dùng để chiết xuất dầu.

Ấn Độ

1. Tại thông báo số G/SPS/N/IND/329 ngày 16/4/2025 về Quy định kiểm soát chất lượng và thành phần thức ăn chăn nuôi năm 2024. Quy định nhằm đảm bảo sự phù hợp về chất lượng của các thành phần thức ăn chăn nuôi (bao gồm hỗn hợp khoáng bổ sung cho thức ăn chăn nuôi, bã hạt bông ép, bã cải dầu/mù tạt ép, dicalci phosphat dùng trong thức ăn chăn nuôi, muối ăn và đá liếm bổ sung khoáng cho gia súc) theo Tiêu chuẩn Ấn Độ hiện hành, được cập nhật định kỳ trong Bảng đính kèm.

Sản phẩm	Tiêu chuẩn	Tên Tiêu chuẩn
Hỗn hợp khoáng bổ sung cho thức ăn gia súc	IS 1664	Hỗn hợp khoáng bổ sung cho thức ăn gia súc - Yêu cầu kỹ thuật
Bã hạt bông ép dùng làm thành phần thức ăn chăn nuôi	IS 1712	Bã hạt bông ép dùng làm thành phần thức ăn chăn nuôi - Yêu cầu kỹ thuật
Bã cải dầu và mù tạt ép dùng làm thành phần thức ăn chăn nuôi	IS 1932	Bã cải dầu và mù tạt ép dùng làm thành phần thức ăn chăn nuôi - Yêu cầu kỹ thuật
Dicalci phosphat dùng trong thức ăn chăn nuôi	IS 5470	Dicalci phosphat dùng trong thức ăn chăn nuôi - Yêu cầu kỹ thuật
Muối ăn thông thường và đá liếm bổ sung khoáng dành cho động vật	IS 920	Tiêu chuẩn về muối ăn thông thường và đá liếm bổ sung khoáng dành cho động vật

2. Tại thông báo số G/SPS/N/IND/330 ngày 16/4/2025 về Dự thảo sửa đổi Quy định về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn (phòng thử nghiệm và phân tích mẫu) năm 2025. Dự thảo sửa đổi Quy định về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn (phòng thử nghiệm và phân tích mẫu) năm 2025 đề cập đến thời hạn phân tích mẫu, phương pháp phân tích và định dạng báo cáo kết quả thử nghiệm, nhằm đảm bảo phù hợp với Luật, Quy tắc và Quy định quốc gia về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn thực phẩm.

(Chi tiết các biện pháp SPS của thị trường Halal được đăng tải tại website: <http://www.spsvietnam.gov.vn/>)

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I: CHƯƠNG SPS CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ ISRAEL (VIFTA)

Điều 6.1: Định nghĩa

1. Vì mục tiêu của Chương này:

(a) Cơ quan có thẩm quyền nghĩa là những cơ quan được mỗi Bên công nhận chịu trách nhiệm xây dựng, thực hiện và quản lý các biện pháp SPS trong lãnh thổ của mình như được liệt kê trong Phụ lục 6A.

(b) Hiệp định SPS có nghĩa là Hiệp định WTO về áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật.

2. Các Bên có thể thống nhất các định nghĩa khác để áp dụng Chương này, có tính đến các thuật ngữ và định nghĩa được sử dụng bởi các tổ chức quốc tế có liên quan như Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (sau đây gọi là “CODEX”), Tổ chức Thú y thế giới (sau đây gọi là “WOAH”) và Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế (sau đây gọi là “IPPC”).

3. Các định nghĩa được nêu tại Phụ lục A, Hiệp định SPS của WTO sẽ được áp dụng.

Điều 6.2: Mục tiêu Mục tiêu của Chương này là:

(a) Tăng cường thực hiện trên thực tế các nguyên tắc và quy tắc được nêu trong Hiệp định SPS và các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế hiện hành do các tổ chức quốc tế có liên quan xây dựng;

(b) Tạo thuận lợi cho thương mại giữa các Bên và đảm bảo rằng các biện pháp SPS được thực hiện bởi mỗi Bên không tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại đồng thời bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật trên lãnh thổ của mỗi Bên;

(c) Cung cấp một phương tiện để tăng cường trao đổi thông tin, hợp tác và giải quyết các vấn đề SPS ảnh hưởng đến thương mại giữa các Bên và các vấn đề khác mà các Bên cùng quan tâm, có tính đến các mức độ phát triển khác nhau giữa hai Bên.

Điều 6.3: Phạm vi Chương này sẽ áp dụng cho việc xây dựng, thông qua và áp dụng tất cả các biện pháp SPS của một Bên mà có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến thương mại song phương của hai Bên.

Điều 6.4: Quy định chung Các Bên khẳng định lại các quyền và nghĩa vụ hiện tại của mình đối với Bên kia theo Hiệp định SPS và đưa vào Hiệp định này.

Điều 6.5: Đầu mối liên lạc SPS

1. Với mục đích tạo điều kiện trao đổi thông tin về các vấn đề liên quan đến thương mại SPS, các Bên đồng ý thiết lập các Đầu mối liên hệ như sau:

(a) Đối với Việt Nam, Văn phòng SPS Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), hoặc các cơ quan trực thuộc; và

(b) Đối với Israel, Bộ Kinh tế và Công nghiệp, Cục Quản lý Ngoại thương, hoặc các cơ quan trực thuộc.

2. Với mục đích thực hiện các điều khoản của Hiệp định này, các Bên đồng ý chia sẻ thông tin liên quan đến các cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên chịu trách nhiệm về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật, được liệt kê trong Phụ lục 6A (Cơ quan có thẩm quyền).

3. Các Bên phải đảm bảo thông tin được cung cấp theo khoản 1 và 2 (bao gồm cả Phụ lục 6A) được cập nhật.

Điều 6.6: Thích ứng với các điều kiện của khu vực

1. Các Bên thừa nhận khái niệm thích ứng với các điều kiện khu vực như được nêu trong Điều 6 của Hiệp định SPS và sẽ xem xét đến

hướng dẫn liên quan của Hiệp định SPS của WTO và của các cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế có liên quan.

2. Các Bên sẽ nỗ lực hợp tác để công nhận các khu vực phi dịch bệnh, phi dịch hại và các khu vực có nguy cơ dịch hại, dịch bệnh thấp với mục tiêu đạt được sự tin tưởng vào các thủ tục mà mỗi Bên tuân theo để đạt được sự công nhận về các khu vực phi dịch bệnh, phi dịch hại và các khu vực có nguy cơ dịch hại, dịch bệnh thấp.

Điều 6.7: Tương đương

1. Các Bên công nhận rằng việc áp dụng nguyên tắc tương đương quy định tại Điều 4 của Hiệp định SPS là một công cụ quan trọng để tạo thuận lợi thương mại và mang lại lợi ích chung cho cả nước xuất khẩu và nước nhập khẩu.

2. Nguyên tắc tương đương có thể được chấp thuận cho một biện pháp SPS cụ thể hoặc các biện pháp SPS liên quan đến một sản phẩm hoặc nhóm các sản phẩm nhất định, hoặc áp dụng cho toàn bộ hệ thống.

3. Bên nhập khẩu sẽ chấp nhận các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật của Bên xuất khẩu là tương đương nếu Bên xuất khẩu chứng minh một cách khách quan rằng các biện pháp của mình đạt được mức bảo vệ an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật phù hợp của Bên nhập khẩu. Để tạo thuận lợi cho việc xác định tính tương đương, theo yêu cầu, một Bên phải thông báo cho Bên kia về mục tiêu của bất kỳ biện pháp vệ sinh hoặc kiểm dịch nào có liên quan.

4. Các Bên sẽ bắt đầu quá trình tham vấn về xác định tính tương đương trong một thời gian hợp lý. Việc xác định tính tương đương sẽ được hoàn thiện sau khi Bên xuất khẩu chứng minh tính tương đương của các biện pháp được đề xuất.

5. Trong trường hợp có nhiều yêu cầu từ Bên xuất khẩu, các Bên sẽ thống nhất trong Ủy ban được đề cập tại Điều 6.10 [Tiểu ban về SPS] về mức độ ưu tiên của thời gian khởi động quy trình. Bên nhập

khẩu sẽ cố gắng ưu tiên các yêu cầu về tính tương đương đối với các sản phẩm đã từng nhập khẩu từ Bên xuất khẩu.

6. Việc một Bên xem xét yêu cầu của một Bên khác về việc công nhận tính tương đương của các biện pháp của họ đối với một sản phẩm cụ thể sẽ không phải là lý do để làm đình trệ hoặc ngưng các hoạt động nhập khẩu đang diễn ra đối với sản phẩm đó. Khi xác định tính tương đương được đưa ra, các Bên sẽ ghi nhận chính thức và áp dụng cho thương mại giữa các Bên trong khu vực liên quan.

7. Nhằm mục đích đảm bảo rằng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch của Bên xuất khẩu luôn đáp ứng các yêu cầu của Bên nhập khẩu, Bên xuất khẩu sẽ, theo yêu cầu, cho phép kiểm tra các hệ thống của mình bao gồm các quy trình kiểm tra và thử nghiệm của Bên xuất khẩu.

Điều 6.8: Thủ tục lập danh sách các cơ sở

1. Sau khi Bên xuất khẩu khởi xướng, tùy thuộc vào quy trình và thủ tục nội bộ của mỗi bên và theo yêu cầu của Bên nhập khẩu, Bên xuất khẩu sẽ thông báo cho Bên nhập khẩu danh sách các cơ sở tuân thủ các yêu cầu của Bên nhập khẩu để phê duyệt và để đảm bảo thỏa mãn các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Khi nhận được yêu cầu của Bên xuất khẩu, Bên nhập khẩu sẽ phê duyệt trong vòng 45 ngày danh sách các cơ sở theo như khoản 1 mà không cần thẩm tra trước từng cơ sở.

3. Nếu Bên nhập khẩu yêu cầu thông tin bổ sung, thời hạn nêu trong khoản 2 sẽ được gia tăng tối đa 30 ngày làm việc. Sau khi phê duyệt danh sách các cơ sở, Bên nhập khẩu sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, tuân thủ theo đúng quy trình luật pháp được áp dụng, để cho phép nhập khẩu sản phẩm đó.

4. Nếu Bên nhập khẩu từ chối yêu cầu phê duyệt, Bên đó phải thông báo ngay cho Bên xuất khẩu về các lý do của việc từ chối.

5. Cơ quan có thẩm quyền của Bên nhập khẩu có quyền đình chỉ

hoặc rút lại giấy phép nhập khẩu của một cá nhân hoặc một số cơ sở trong trường hợp không tuân thủ cơ bản. Bên nhập khẩu sẽ thông báo cho Bên xuất khẩu về quyết định đó.

Điều 6.9: Truyền thông và trao đổi thông tin

1. Các Bên thừa nhận giá trị của việc trao đổi thông tin về các biện pháp SPS tương ứng của mình.

2. Các Bên đồng ý cung cấp thông tin kịp thời và phù hợp trực tiếp cho cả đầu mối liên lạc và cơ quan có thẩm quyền của Bên kia, phù hợp với nghĩa vụ của Bên đó trong WTO, khi:

(a) Bất kỳ thay đổi nào về tình trạng vệ sinh và kiểm dịch động, thực vật, bao gồm cả những phát hiện quan trọng về dịch tễ học, có thể ảnh hưởng đến thương mại giữa các Bên;

(b) Kết quả kiểm tra hàng hóa nhập khẩu đối với lô hàng bị từ chối, không đạt yêu cầu;

(c) Kết quả của các thủ tục xác minh, chẳng hạn như thanh tra hoặc đánh giá tại chỗ.

Điều 6.10: Tiểu ban về SPS

1. Các Bên sẽ thành lập một Tiểu ban về các biện pháp SPS (“Tiểu ban SPS”), trực thuộc Ủy ban hỗn hợp được mô tả trong Điều [Ủy ban hỗn hợp FTA] của Hiệp định này, để tạo điều kiện hợp tác và xem xét mọi vấn đề liên quan đến việc thực hiện Chương này.

2. Chức năng của Tiểu ban bao gồm:

(a) Xây dựng các thủ tục hoặc sắp xếp cần thiết để thực hiện Chương này;

(b) Giám sát việc thực hiện Chương này;

(c) Cung cấp một diễn đàn để trao đổi thông tin, chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực SPS và để thảo luận về các vấn đề phát sinh từ việc áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật nhất định nhằm đạt được các giải pháp có thể chấp nhận

được của cả hai bên và nhanh chóng giải quyết mọi vấn đề có thể tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại giữa các Bên;

(d) Thực hiện bất kỳ chức năng nào khác theo thỏa thuận chung của các Bên.

3. Ngoài ra, các chức năng của Tiểu ban có thể bao gồm: (a) Thúc đẩy việc sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế của các Bên trong việc thông qua và áp dụng các biện pháp SPS tương ứng của họ;

(b) Xác định, bắt đầu và xem xét các dự án và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật giữa các Bên.

4. Các Bên có thể thông báo cho nhau thông qua Tiểu ban SPS về các quyết định liên quan đến việc cấp phép nhập khẩu, trao đổi thông tin, tính minh bạch, công nhận khu vực hóa, các biện pháp tương đương và thay thế, và bất kỳ vấn đề nào khác được đề cập trong các đoạn trên.

5. Tiểu ban SPS sẽ bao gồm các đại diện phù hợp của mỗi bên chịu trách nhiệm về các biện pháp SPS và tất cả các quyết định của Tiểu ban sẽ theo thỏa thuận chung.

6. Tiểu ban SPS có thể thành lập các nhóm công tác kỹ thuật theo yêu cầu để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

7. Tiểu ban SPS sẽ họp trực tiếp trong vòng một năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực và sau đó họp thường niên khi có thể, theo quyết định của các Bên. Cuộc họp có thể được tiến hành thông qua hội nghị truyền hình, hội nghị truyền hình hoặc thông qua các phương tiện khác do các Bên thống nhất.

Điều 6.11: Hợp tác kỹ thuật

1. Các Bên đồng ý tìm kiếm cơ hội hợp tác kỹ thuật trong các lĩnh vực SPS, nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau về hệ thống quy định của các Bên, xây dựng năng lực của các Bên, đạt được sự tin tưởng giữa các cơ quan có thẩm quyền của các Bên, và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến thương mại song phương.

2. Các Bên sẽ xem xét hợp lý sự hợp tác liên quan đến các vấn đề SPS. Sự hợp tác đó, sẽ dựa trên các điều khoản và điều kiện được cả hai bên đồng ý, có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

(a) Tăng cường trao đổi kinh nghiệm và hợp tác trong việc xây dựng và áp dụng các biện pháp SPS trong nước cũng như các tiêu chuẩn quốc tế;

(b) Tăng cường hợp tác liên quan đến, ngoài những điều khác, phương pháp phân tích rủi ro, phương pháp kiểm soát dịch bệnh hoặc sinh vật gây hại và kỹ thuật thử nghiệm trong phòng thí nghiệm;

(c) Xây dựng các chương trình trao đổi cán bộ liên quan của các cơ quan có thẩm quyền, nhằm mục đích xây dựng năng lực và lòng tin của các Bên về quản lý dịch bệnh động vật và dịch hại thực vật;

(d) Trao đổi thông tin, theo yêu cầu của một Bên, về sự bùng phát của bất kỳ bệnh động vật hoặc sự cố nghiêm trọng nào liên quan đến an toàn thực phẩm và các biện pháp tiếp theo bao gồm các quy định trong nước có liên quan và giải thích của họ;

(e) Tăng cường hợp tác và trao đổi kinh nghiệm giữa các Điểm hỏi đáp SPS của WTO hoặc các cơ quan có thẩm quyền của các Bên;

(f) Xem xét nghiên cứu chung tiềm năng và chia sẻ kết quả của nghiên cứu đó trong các lĩnh vực SPS bao gồm bệnh động vật, dịch hại cây trồng và an toàn thực phẩm;

(g) Bất kỳ hoạt động hợp tác nào khác được các Bên đồng ý.

Điều 6.12: Tham vấn

1. Trường hợp một Bên xem xét thấy việc một biện pháp SPS tác động đến thương mại giữa song phương cần phải thảo luận thêm, Bên đó có thể thông qua đầu mối liên hệ yêu cầu giải thích đầy đủ về biện pháp SPS và nếu cần thiết, yêu cầu tổ chức tham vấn để giải quyết. Bên còn lại sẽ phản hồi kịp thời mọi yêu cầu giải thích và hoặc tham vấn như vậy.

2. Các Bên sẽ nỗ lực hết sức để giải quyết vấn đề thông qua tham vấn theo thời gian được cả hai bên thống nhất. Nếu các cuộc tham vấn không đạt được giải pháp, vấn đề sẽ được chuyển đến Ủy ban hỗn hợp theo Điều 13.1 (Thành lập Ủy ban hỗn hợp FTA).

Điều 6.13: Các biện pháp khẩn cấp

1. Các biện pháp khẩn cấp do Bên nhập khẩu áp dụng sẽ được thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thực hiện và các lý do liên quan bao gồm bất kỳ nguy cơ nghiêm trọng hoặc đáng kể nào đối với cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật, các trường hợp khẩn cấp về lương thực có thể ảnh hưởng đến hàng hóa mà thương mại diễn ra, và, theo yêu cầu, các cuộc tham vấn giữa các cơ quan có thẩm quyền sẽ được tổ chức trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Tất cả thông tin liên lạc cũng sẽ được chuyển tiếp đến các điểm liên lạc được chỉ định. Các Bên sẽ xem xét bất kỳ thông tin nào được cung cấp thông qua các cuộc tham vấn đó.

2. Bên nhập khẩu sẽ xem xét thông tin do Bên xuất khẩu cung cấp một cách kịp thời khi đưa ra quyết định đối với các lô hàng đang được vận chuyển giữa các Bên tại thời điểm áp dụng các biện pháp khẩn cấp. Bên nhập khẩu sẽ xem xét giải pháp phù hợp và cân xứng nhất để tránh những gián đoạn thương mại không cần thiết.

PHỤ LỤC II: CHƯƠNG SPS CỦA HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN VIỆT NAM - CÁC TIỂU VƯƠNG QUỐC ẨM RẬP THỐNG NHẤT (CEPA)

Điều 6.1: Định nghĩa

1. Trường hợp một Bên xem xét thấy việc một biện pháp SPS tác động đến thương mại giữa song phương cần phải thảo luận thêm, Bên đó có thể thông qua

1. Các định nghĩa trong Phụ lục A của Hiệp định SPS được tích hợp trong Chương này và là một phần của Chương này, với những sửa đổi phù hợp.

2. Ngoài ra, vì mục đích của Chương này:

Cơ quan có thẩm quyền là cơ quan chính phủ của mỗi Bên chịu trách nhiệm về các biện pháp và vấn đề được đề cập trong Chương này;

Đầu mối liên hệ là cơ quan chính phủ của mỗi Bên chịu trách nhiệm thực hiện và điều phối Chương này; và

Biện pháp khẩn cấp là biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật được Bên nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa của Bên xuất khẩu để bảo vệ sức khỏe hoặc cuộc sống của con người, động vật và thực vật khi có vấn đề khẩn cấp xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra ở Bên nhập khẩu.

Điều 6.2: Mục tiêu Mục tiêu của Chương này là để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật và thực vật trong khi vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, để tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin và sự minh bạch giữa các Bên, và đảm bảo rằng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật của các Bên dựa trên cơ sở khoa học và không tạo ra các rào cản bất hợp lý trong thương mại.

Điều 6.3: Phạm vi Chương này áp dụng đối với việc chuẩn bị, thông qua và áp dụng tất cả các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật của mỗi Bên có thể trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến thương mại giữa các Bên.

Điều 6.4: Các quy định chung

1. Các Bên khẳng định các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiệp định SPS.
2. Không có điều khoản nào trong Hiệp định này giới hạn các quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên theo Hiệp định SPS.

Điều 6.5: Đầu mối liên lạc và Cơ quan có thẩm quyền

1. Khi Hiệp định này có hiệu lực, mỗi Bên sẽ chỉ định một hoặc nhiều Đầu mối liên lạc để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi về các vấn đề thuộc Chương này và thông báo kịp thời cho Bên kia trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.
2. Để thực hiện Chương này, Cơ quan có thẩm quyền của các Bên là các cơ quan được liệt kê trong Phụ lục 6A (Cơ quan có thẩm quyền).
3. Mỗi Bên phải cập nhật thông tin về đầu mối liên lạc và Cơ quan có thẩm quyền và phải thông báo kịp thời cho Bên kia về bất kỳ thay đổi nào.

Điều 6.6: Tham vấn kỹ thuật

1. Các Bên sẽ nhanh chóng giải quyết mọi vấn đề cụ thể về SPS liên quan đến thương mại và cam kết tiến hành các cuộc thảo luận kỹ thuật cần thiết để giải quyết vấn đề đó.
2. Bất cứ lúc nào, một Bên có thể nêu vấn đề SPS cụ thể với Bên kia thông qua các Đầu mối liên lạc và Cơ quan có thẩm quyền như được đề cập trong Phụ lục 6A (Cơ quan có thẩm quyền), và có thể yêu cầu bổ sung thông tin liên quan đến vấn đề đó. Bên kia phải phản hồi kịp thời.

3. Nếu vấn đề không được giải quyết thông qua việc trao đổi thông tin theo khoản 2 và Điều 6.9 (Minh bạch và trao đổi thông tin), theo yêu cầu của bất kỳ Bên nào thông qua Đầu mối liên lạc của mình, các Bên sẽ họp để kịp thời thảo luận về vấn đề SPS cụ thể đó, nhằm tránh làm gián đoạn thương mại hoặc để đạt được giải pháp mà các Bên có thể chấp nhận. Các bên có thể họp trực tiếp hoặc trực tuyến.

Điều 6.7: Tính tương đương

1. Các Bên công nhận rằng nguyên tắc tương đương theo quy định tại Điều 4 của Hiệp định SPS có lợi ích chung cho cả Bên xuất khẩu và Bên nhập khẩu.

2. Các Bên sẽ tuân thủ các thủ tục xác định tính tương đương của các biện pháp và tiêu chuẩn về vệ sinh và kiểm dịch động thực vật được xây dựng bởi Ủy ban SPS của WTO và các cơ quan quốc tế liên quan về thiết lập tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với Phụ lục A của Hiệp định SPS, với những sửa đổi phù hợp.

3. Việc một sản phẩm xuất khẩu tuân thủ các biện pháp hoặc tiêu chuẩn về vệ sinh và kiểm dịch động thực vật đã được chấp nhận là tương đương với các biện pháp về vệ sinh và kiểm dịch động thực vật của Bên nhập khẩu sẽ không loại trừ yêu cầu sản phẩm đó phải tuân thủ các yêu cầu bắt buộc khác có liên quan của Bên nhập khẩu.

Điều 6.8: Các biện pháp khẩn cấp

1. Nếu một Bên áp dụng biện pháp khẩn cấp cần thiết để bảo vệ sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật, Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia về biện pháp đó thông qua Đầu mối liên lạc và Cơ quan có thẩm quyền liên quan được đề cập tại Điều 6.5 (Đầu mối liên lạc và Cơ quan có thẩm quyền). Bên áp dụng biện pháp khẩn cấp phải xem xét mọi thông tin do Bên kia cung cấp để phản hồi với thông báo và theo yêu cầu của Bên kia, các cuộc tham vấn giữa các Bên sẽ được tổ chức trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

2. Bên nhập khẩu phải xem xét kịp thời thông tin do Bên xuất khẩu cung cấp khi đưa ra quyết định liên quan đến các lô hàng đang được vận chuyển giữa các Bên tại thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp.

3. Nếu một Bên áp dụng biện pháp khẩn cấp, Bên đó phải đánh giá cơ sở khoa học cho biện pháp trong vòng 06 (sáu) tháng và cung cấp kết quả đánh giá cho Bên kia theo yêu cầu. Nếu biện pháp khẩn cấp sau khi đánh giá vẫn được duy trì bởi lý do áp dụng biện pháp vẫn còn, Bên đó phải theo định kỳ đánh giá biện pháp đó.

Điều 6.9: Minh bạch và trao đổi thông tin

1. Các Bên công nhận giá trị của sự minh bạch trong việc thông qua và áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật cũng như tầm quan trọng của việc thường xuyên chia sẻ thông tin về các biện pháp đó.

2. Khi thực hiện Chương này, mỗi Bên nên xem xét các hướng dẫn liên quan của Ủy ban SPS trong WTO và các tiêu chuẩn, hướng dẫn, khuyến nghị quốc tế.

3. Mỗi Bên đồng ý thông báo về biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật được đưa ra có thể ảnh hưởng đến thương mại của Bên kia, bao gồm bất kỳ biện pháp nào phù hợp với các tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc khuyến nghị quốc tế, bằng cách sử dụng hệ thống gửi thông báo của Ủy ban SPS trong WTO làm biện pháp thông báo.

4. Các Bên sẽ trao đổi thông tin về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật được đề xuất hoặc có thực có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến thương mại giữa các bên, và liên quan đến hệ thống quy định về SPS của mỗi Bên và trong trường hợp một Bên mong muốn đóng góp ý kiến bằng văn bản về một biện pháp vệ sinh hoặc kiểm dịch động thực vật do Bên kia đề xuất, Bên đó sẽ cung cấp các ý kiến một cách kịp thời.

5. Bên đề xuất áp dụng biện pháp vệ sinh hoặc kiểm dịch động thực vật phải thảo luận với Bên kia theo yêu cầu, nếu thích hợp và khả thi, bất kỳ quan ngại nào về khoa học hoặc thương mại mà Bên

kia có thể nêu ra liên quan đến biện pháp được đề xuất và sự sẵn có các biện pháp thay thế, ít hạn chế thương mại hơn mà vẫn đạt được mục tiêu của biện pháp đó.

6. Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia về các biện pháp cuối cùng về vệ sinh hoặc kiểm dịch động thực vật thông qua hệ thống thông báo của Ủy ban SPS trong WTO. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng văn bản hoặc thông báo về biện pháp cuối cùng về vệ sinh hoặc kiểm dịch động thực vật nêu rõ ngày có hiệu lực và cơ sở pháp lý của biện pháp đó. Mỗi Bên phải công bố, tốt nhất là bằng phương tiện điện tử, thông báo về các biện pháp cuối cùng về vệ sinh hoặc kiểm dịch động thực vật.

7. Bên xuất khẩu phải thông báo cho Bên nhập khẩu thông qua các Đầu mối liên lạc được thành lập theo Điều 6.5 (Đầu mối liên lạc và Cơ quan có thẩm quyền) một cách kịp thời và phù hợp nếu Bên đó biết về:

(a) Tình trạng nghiêm trọng hoặc khẩn cấp về rủi ro liên quan đến vệ sinh hoặc kiểm dịch động thực vật trong lãnh thổ của mình có thể ảnh hưởng đến hoạt động thương mại hiện tại giữa các Bên; hoặc

(b) Những thay đổi đáng kể về chính sách hoặc thông lệ quản lý an toàn thực phẩm, quản lý, kiểm soát hoặc diệt trừ dịch hại hoặc sâu bệnh tật có thể ảnh hưởng đến hoạt động thương mại hiện tại giữa các Bên.

8. Một Bên phải cung cấp cho Bên kia, theo yêu cầu, tất cả các biện pháp vệ sinh hoặc kiểm dịch động thực vật liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa vào lãnh thổ của Bên đó.

9. Mỗi Bên phải cung cấp thông tin, theo yêu cầu của Bên kia, về kết quả kiểm tra nhập khẩu trong trường hợp các lô hàng bị từ chối hoặc không tuân thủ, bao gồm cả cơ sở khoa học của việc từ chối đó.

Điều 6.10: Hợp tác

1. Các Bên phải hợp tác để tạo điều kiện thực hiện Chương này.
2. Các Bên sẽ tìm hiểu để mở rộng các cơ hội hợp tác và trao đổi thông tin giữa các Bên về các vấn đề an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật các Bên cùng quan tâm, liên quan đến việc thực hiện Hiệp định SPS, phù hợp với Chương này. Các cơ hội đó có thể bao gồm các sáng kiến tạo thuận lợi cho thương mại và hỗ trợ kỹ thuật.
3. Các Bên có thể thúc đẩy hợp tác về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hiệp định SPS của WTO và các cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế có liên quan như Ủy ban Codex, Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế (IPPC) và Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), nếu phù hợp.
4. Nếu có lợi ích chung và với mục tiêu thiết lập nền tảng khoa học chung cho cách tiếp cận quản lý của mỗi Bên, các Cơ quan có thẩm quyền của các Bên được khuyến khích: (a) Chia sẻ các thông lệ tốt nhất; và (b) Hợp tác thu thập dữ liệu khoa học chung.

PHỤ LỤC III: CẬP NHẬT MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/ NAUS/435 /Add.9	TTBVT	Úc	20/10/2025	Công bố báo cáo dự thảo Đánh giá các yêu cầu xử lý bất hoạt đối với nhập khẩu hoa cắt cành và lá trang trí	<p>Úc đã hoàn thành Phân tích rủi ro dịch hại đối với các yêu cầu xử lý bất hoạt (devitalisation requirements) áp dụng cho nhập khẩu hoa cắt cành và lá trang trí. Báo cáo này là sự tiếp nối của Báo cáo cuối cùng về Phân tích rủi ro dịch hại đối với nhập khẩu hoa cắt cành và lá trang trí – Phần 1 (công bố ngày 21/6/2019) và Phần 2 (công bố ngày 7/6/2021); tương ứng với các thông báo G/SPS/N/AUS/435/Add.5 và G/SPS/N/AUS/435/Add.7. Cụ thể, Úc đã tiến hành đánh giá các bằng chứng liên quan đến khả năng nhân giống từ hoa cắt cành nhập khẩu. Trên cơ sở đó, cơ quan này phân tích rủi ro an toàn sinh học của hoạt động này trong trường hợp hoa nhập khẩu không được xử lý để làm mất khả năng sinh trưởng (devitalisation). Kết quả đánh giá gọi là ước lượng rủi ro tự do.</p> <p>Kết quả cho thấy mức rủi ro DFUI (sử dụng sai mục đích để trồng lại) của hoa cắt cành nhập khẩu ở mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Từ rất thấp đến không đáng kể (very low – negligible) đối với trường hợp cá nhân; • Không đáng kể (negligible) đối với quy mô thương mại. <p>Như vậy, mức rủi ro này đáp ứng mức bảo vệ thích hợp (ALOP) của Úc. Kết quả cũng chỉ ra rằng khả năng cá</p>

2	G/SPS/N/ CHN/1324 /Add.1	ATTP, CNTY, CLCB, BCT, TTBVTY	Trung Quốc	17/10/2025	Quy định của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về quản lý hải quan đối với việc đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài	<p>nhân có thể trồng và phát triển cây khỏe mạnh từ hoa cắt cành là rất thấp. Vì vậy, không cần thiết phải duy trì biện pháp làm mất khả năng sinh trưởng để quản lý rủi ro sinh học liên quan đến việc sử dụng sai mục đích. Từ đó, Úc đề xuất loại bỏ yêu cầu làm mất khả năng sinh trưởng đối với hoa cắt cành nhập khẩu.</p> <p>Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) ban hành Nghị định 280 ngày 14/10/2025 về việc đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài, thay thế Nghị định 248.</p> <p>Nghị định gồm 33 Điều thuộc 4 chương, trong đó có một số thông tin cần lưu ý như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Tổng cục Hải quan Trung Quốc dựa trên đánh giá hệ thống, tình hình an toàn thực phẩm của quốc gia và mức độ rủi ro của sản phẩm sẽ quy định rõ các phương thức đăng ký, hồ sơ đăng ký, quy trình xem xét và các yêu cầu đăng ký tương ứng khác (Điều 5). 2) Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ ban hành danh mục các sản phẩm bắt buộc phải có thư giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền (Điều 6). 3) Nếu hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của một quốc gia được Trung Quốc công nhận và đáp ứng một số điều kiện nhất định thì có thể áp dụng phương thức đăng ký theo danh sách các doanh nghiệp thay vì từng doanh nghiệp phải đăng ký riêng lẻ (Điều 17). 4) Nếu có thay đổi gây ảnh hưởng lớn đến hệ thống quản lý an toàn vệ sinh (như di dời địa điểm, thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi số đăng ký nước sở tại) thì mã số đã được Tổng cục Hải quan Trung Quốc cấp sẽ hết
---	--------------------------------	-------------------------------------------	---------------	------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

3	G/SPS/N/ JPN/1212 /Add.1	ATTP, CNTY, CLCB, BCT, TTBVTV	Nhật Bản	16/10/2025	Sửa đổi các quy chuẩn và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo số 370/1959 của Bộ Y tế và Phúc lợi) theo Luật Vệ sinh Thực phẩm	<p>hiệu lực và doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đăng ký mã mới (Điều 20).</p> <p>5) Áp dụng cơ chế gia hạn tự động (Automatic Renewal), thời gian gia hạn là 5 năm, trừ một số trường hợp cụ thể (Điều 21).</p> <p>6) Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ ban hành danh mục không được tự động gia hạn (Điều 22).</p> <p>7) Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền và doanh nghiệp sản xuất thực phẩm (Điều 24).</p> <p>8) Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ ban hành quy định riêng đối với doanh nghiệp kho bảo quản thực phẩm và cơ sở sản xuất nông sản sơ cấp dùng trực tiếp làm thực phẩm (Điều 30).</p> <p>9) Ngày ban hành: 14/10/2025</p> <p>10) Ngày có hiệu lực: 01/6/2026</p> <p>11) Bài bỏ Nghị định số 248</p> <p>Thông tin chi tiết truy cập đường link: http://www.spsvietnam.gov.vn/Data/File/Article/90948D8275A24C7FBABEE6D826D84931.pdf</p> <p>Theo thông báo tại G/SPS/N/JPN/1212 (ngày 22/6/2023), bản sửa đổi này áp dụng đối với các thông số kỹ thuật về nhựa tổng hợp dùng cho thiết bị, vật chứa và bao bì thực phẩm đã được ban hành vào ngày 30/11/2023 và có hiệu lực từ ngày 01/6/2025.</p> <p>Nhật Bản sửa đổi hệ thống Danh mục các chất được phép sử dụng cho nhựa tổng hợp ("synthetic resin") dùng trong dụng cụ, đồ chứa và bao bì thực phẩm, theo Luật vệ sinh thực phẩm.</p>
---	--------------------------------	-------------------------------------------	----------	------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

4	G/SPS/N/ JPN/1263 /Add.1	ATTP, CNTY, CLCB, BCT, TTBVTV	Nhật Bản	16/10/2025	Sửa đổi các quy chuẩn và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo số 370/1959 của Bộ Y tế và Phúc lợi) theo Luật Vệ sinh Thực phẩm	<p>Hệ thống này bao gồm: các loại nhựa được phép sử dụng, phụ gia, tiêu chí di chuyển từ nhựa sang thực phẩm (migration limits) và các phương pháp kiểm nghiệm liên quan.</p> <p>Theo thông báo tại G/SPS/N/JPN/1263 (ngày 08/5/2024), bản sửa đổi này áp dụng đối với các thông số kỹ thuật về nhựa tổng hợp dùng cho thiết bị, vật chứa và bao bì đã được ban hành vào ngày 27/9/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/6/2025.</p> <p>Nhật Bản đã thực hiện sửa đổi nhằm bổ sung các chất mới cùng một số điều chỉnh kỹ thuật khác vào Danh mục các chất được phép sử dụng (Phụ lục Bảng 1). Danh mục này quy định các chất được phép sử dụng trong việc sản xuất dụng cụ, vật chứa, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, cũng như giới hạn hàm lượng các chất có thể thôi nhiễm (elute hoặc seep out) vào thực phẩm từ những sản phẩm đó.</p> <p>Danh sách này được quy định trong "Quy cách và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v." (Thông báo số 370 năm 1959 của Bộ Y tế và Phúc lợi Nhật Bản).</p> <p>Cấu trúc của Danh sách tích cực gồm:</p> <p>Bảng 1: Vật liệu cơ bản (Base materials);</p> <p>Bảng 2: Phụ gia (Additives);</p> <p>Danh sách Monomer (Monomer List) – quy định các monomer được phép sử dụng trong sản xuất nhựa tổng hợp.</p> <p>Thông tin chi tiết truy cập đường link: https://www.caa.go.jp/policies/policy/standards_evaluation/appliance/positive_list_new/</p>
---	--------------------------------	-------------------------------------------	----------	------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

5	G/SPS/N/ AUS/594 /Add.1	CNTY	Úc	14/10/2025	Báo cáo đánh giá rủi ro kiểm dịch sinh học cuối cùng: Nhập khẩu ốc sên vườn sống (<i>Cornu aspersum</i>) phục vụ nuôi ốc làm thực phẩm	<p>Úc đã hoàn thành báo cáo cuối cùng về nhập khẩu ốc sên sống (<i>Cornu aspersum</i>) dùng cho ngành nuôi thương phẩm (heliculture). Báo cáo này đánh giá rủi ro sinh học liên quan đến loài ốc này khi nhập khẩu vào Úc.</p> <p>Báo cáo đề xuất rằng ốc sên sống (cả trưởng thành và con non) có thể được phép nhập khẩu vào Úc từ những quốc gia được phê duyệt, với điều kiện tuân thủ một loạt biện pháp kiểm dịch và xác minh loài nghiêm ngặt.</p> <p>Quá trình phân tích rủi ro đã bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Rà soát bằng chứng về dịch hại và bệnh có liên quan tới loài này. • Đánh giá các biện pháp quản lý rủi ro bao gồm: nước xuất khẩu được phê duyệt; chứng nhận sức khỏe thú y; nhà sản xuất có tiêu chuẩn an toàn vệ sinh; phân biệt giữa ốc trưởng thành và ốc mới nở để áp dụng các biện pháp khác nhau. <p>Sau khi công bố Báo cáo cuối cùng, các điều kiện nhập khẩu sẽ được cập nhật trên hệ thống điều kiện nhập khẩu sinh học (BICON), và người nhập khẩu có thể nộp đơn xin giấy phép.</p>
6	G/SPS/N/ CHL/831 /Add.1	TTBVT	Chi Lê	13/10/2025	Quyết định miễn trừ số 7883/2025 quy định các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vào Chile các loại trái cây tươi	<p>Ngày 10/10/2025, Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi Chi Lê (SAG) đã công bố Nghị quyết miễn trừ số 7.883, sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch thực vật (SPS) đối với việc nhập khẩu trái cây tươi (dừa). SAG là Cơ quan Quốc gia chịu trách nhiệm bảo vệ di sản thực vật của Chi Lê và có quyền thiết lập các yêu cầu này dựa trên cơ sở kỹ thuật theo hướng dẫn của Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế.</p> <p>Một thay đổi quan trọng là việc loại bỏ dịch hại <i>Diaspis</i></p>

7	G/SPS/N/ AUS/502 /Add.23	TTBVTV	Úc	09/10/2025	<p>Thông báo về biện pháp khẩn cấp đối phó với một cứng đốt khapra.</p>	<p><i>boisduvalii</i> khỏi danh sách kiểm soát nhập khẩu, do dịch hại này đã được báo cáo là có mặt tại Chi Lê. SAG đã gia hạn thêm một năm (đến 27/10/2026) để các Tổ chức Bảo vệ Thực vật Quốc gia (ONPFs) của các thị trường xuất khẩu (Ecuador, Costa Rica, Panama, Colombia và Bolivia) hoàn tất việc xác minh quy trình chứng nhận; nếu không tuân thủ, nhập khẩu sẽ bị đình chỉ. Về mặt vận chuyển hàng không, các pa-lét phải được bảo vệ bằng nhựa đóng gói, mũ trùm Tivek hoặc lưới chống muỗi và được niêm phong riêng. Về vấn đề tuân thủ, trong trường hợp phát hiện còn trùng sống thuộc họ <i>Pseudococcidae</i> và <i>Diaspididae</i>, có thể áp dụng biện pháp kiểm dịch thực vật nếu khả thi. Tuy nhiên, việc phát hiện lặp đi lặp lại các loài côn trùng này trong các lô hàng cùng nguồn gốc sẽ dẫn đến từ chối lô hàng ngay tại điểm nhập cảnh mà không được phép áp dụng bất kỳ biện pháp xử lý nào.</p>
						<p>Hiện tại, Úc đang áp dụng các biện pháp khẩn cấp nhằm ngăn chặn nguy cơ một cứng đốt khapra (<i>Trogoderma granarium</i>) xâm nhập vào nước này. Biện pháp này bao gồm yêu cầu xử lý bắt buộc trước khi nhập khẩu đối với các sản phẩm thực vật có nguy cơ cao (như gạo, đậu, đậu lăng, v.v.) được đóng gói tại các quốc gia có nguy cơ mục tiêu đối với một cứng đốt khapra. Úc sẽ triển khai thay đổi trong cách quản lý các biện pháp xử lý có kiểm soát (Controlled Atmosphere – CA) ở áp suất khí quyển bình thường.</p> <p>Kể từ ngày 30/10/2025, Úc chỉ chấp nhận các biện pháp xử lý CA ở áp suất khí quyển được thực hiện bởi các đơn vị xử lý đã được phê duyệt trong chương trình AusTreat,</p>

<p>Hiện tại, Úc đang áp dụng các biện pháp khẩn cấp nhằm ngăn chặn nguy cơ một cứng đốt khapra (Trogoderma granarium) xâm nhập vào nước này. Biện pháp này bao gồm yêu cầu xử lý bắt buộc trước khi nhập khẩu đối với các sản phẩm thực vật có nguy cơ cao (như gạo, đậu, đậu lăng, v.v.) được đóng gói tại các quốc gia có nguy cơ mục tiêu đối với một cứng đốt khapra. Úc sẽ triển khai thay đổi trong cách quản lý các biện pháp xử lý có kiểm soát (Controlled Atmosphere – CA) ở áp suất khí quyển bình thường.</p> <p>Kể từ ngày 30/10/2025, Úc chỉ chấp nhận các biện pháp xử lý CA ở áp suất khí quyển được thực hiện bởi các đơn vị xử lý đã được phê duyệt trong chương trình AusTreat, chương trình dành cho các nhà cung cấp dịch vụ xử lý trước biên giới của Úc. Danh sách các nhà xử lý được phê duyệt sẽ được công bố công khai trong Danh sách Nhà cung cấp dịch vụ xử lý (List of Treatment Providers) trên trang web của Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp Úc (DAFF).</p> <p>Thay đổi này sẽ ảnh hưởng đến một số nhà cung cấp dịch vụ xử lý hiện đang được phê duyệt ngoài khuôn khổ AusTreat, cũng như các nhà xử lý mới muốn cung cấp dịch vụ xử lý CA ở áp suất khí quyển cho hàng nhập khẩu vào Úc.</p> <p>Điều kiện cấp phép nhập khẩu của Úc sẽ được cập nhật vào ngày 30/10/2025, trong đó tuyên bố bổ sung bắt buộc trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ được sửa đổi như sau:</p> <p>"Hàng hóa đã được xử lý có kiểm soát phù hợp với</p>	
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

<p>phương pháp xử lý khí quyển có kiểm soát của Úc, bởi nhà xử lý đã được phê duyệt có tên trong Danh sách Nhà cung cấp dịch vụ xử lý của Úc, theo giấy chứng nhận xử lý đính kèm (ghi số giấy chứng nhận xử lý).”</p> <p>Lưu ý: Thay đổi này không áp dụng cho các biện pháp xử lý một cứng đột khapra bằng môi trường khí quyển có kiểm soát ở áp suất thay đổi, xông hơi methyl bromide, hoặc xử lý nhiệt.</p> <p>Đối với các hình thức xử lý này, việc đăng ký theo chương trình AusTreat hiện chưa bắt buộc, tuy nhiên Úc khuyến khích các đơn vị xử lý đủ điều kiện đăng ký sớm, vì khung AusTreat sẽ dần được mở rộng để bao gồm các hình thức xử lý này trong tương lai.</p> <p>Đăng ký nhà cung cấp dịch vụ xử lý: Các nhà xử lý có thể đăng ký tham gia chương trình AusTreat ngay từ bây giờ, trước khi yêu cầu này có hiệu lực vào ngày 30/10/2025.</p> <p>Những đơn vị muốn được phê duyệt trước thời hạn này phải nộp hồ sơ đăng ký trước ngày 15/10/2025 để đảm bảo đủ thời gian xử lý.</p> <p>Hồ sơ yêu cầu gồm “Đơn đăng ký chương trình AusTreat” và “Mẫu xử lý khí quyển (áp suất khí quyển)”, có sẵn tại trang web chính thức: AusTreat.pre-border biosecurity treatment provider scheme – DAFF.</p>					

8	G/SPS/N/ TPKM/647 /Add.1	CNTY	Đài Loan (Trung Quốc)	09/10/2025	Sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu ong” liên quan đến Điều 10 (Phụ lục 8-2) của “Quy định về nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch động vật” vào ngày 25/6/2025 (G/SPS/N/TPKM/647) đã được ban hành vào ngày 8/10/2025.	Thông báo dự thảo sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu ong” liên quan đến Điều 10 (Phụ lục 8-2) của “Quy định về nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch động vật” vào ngày 25/6/2025 (G/SPS/N/TPKM/647) đã được ban hành vào ngày 8/10/2025.
9	G/SPS/N/ EU/847/ Add.1	ATTP, CNTY	Liên minh Châu Âu	02/10/2025	Phân loại chất fluralaner liên quan đến mức dư lượng tối đa của nó trong thực phẩm có nguồn gốc động vật	Liên minh Châu Âu (EU) chính thức thông định mới về an toàn thực phẩm đã được thông qua. Cụ thể, Quy định Thực thi (EU) 2025/1908, được ban hành vào ngày 24/9/2025, đã chính thức thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) cho chất Fluralaner trong các thực phẩm có nguồn gốc động vật. Fluralaner là một hoạt chất được phẩm thú y, thường được sử dụng để diệt ký sinh trùng ngoài da như bọ chét và ve trên động vật. Quy định này sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010, nhằm quy định rõ giới hạn tối đa cho phép của chất này tồn dư trong các sản phẩm như thịt, sữa hoặc trứng trước khi đưa ra thị trường, đảm bảo chúng an toàn cho người tiêu dùng. Quy định sẽ chính thức có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu, cụ thể như sau:

Loại động vật	Mức MRL thiết lập (µg/kg)	Bộ phận áp dụng	Phân loại điều trị			
Gia cầm	65	Cơ	Thuốc chống ký sinh trùng (bao gồm cả nội ký sinh và ngoại ký sinh)			
	650	Da và mỡ tính theo tỷ lệ tự nhiên				
	650	Gan				
	420	Thận				
Cá có vây	1300	Trứng				
	65	Cơ và da tính theo tỷ lệ tự nhiên				
10	G/SPS/N/ CAN/1244 /Add.23	Canada	CNTY	23/09/2025	Áp dụng điều kiện liên quan đến vùng kiểm soát phụ về dịch tả lợn châu phi	<p>Canada thông báo lệnh áp đặt các điều kiện nhập khẩu đối với một số nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (feed ingredients) nhập từ các quốc gia bị coi là có nguy cơ lây nhiễm dịch tả lợn châu Phi (African Swine Fever – ASF), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Một số sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu từ các quốc gia có nguy cơ phải xin giấy phép nhập khẩu (import permit) trước khi được đưa vào Canada. • Giấy phép nhập khẩu và áp dụng quy định các điều kiện bắt buộc như: <ul style="list-style-type: none"> + Chứng nhận nguồn gốc (certificate of origin), + Xử lý nhiệt (heat treatment) và/hoặc + Thời gian lưu giữ bắt buộc (hold times)

11	G/SPS/N/ EU/825 /Add.1	CLCB, TSKN	Liên minh châu Âu	23/09/2025	Mức tối đa dư lượng của asen vô cơ trong cá và hải sản khác	<p>EU thông báo dự thảo được nêu trong thông báo (G/SPS/N/EU/825) đã chính thức thông qua.</p> <p>Quy định mới là: Quy định (EU) 2025/1891 của Ủy ban châu Âu ngày 17/9/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2023/915 liên quan đến mức giới hạn tối đa dư lượng của asen vô cơ (inorganic arsenic) trong cá và các loại hải sản khác, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung mức dư lượng tối đa dư lượng (MRLs) asen vô cơ trong cá và các loại thủy sản khác từ: 0,05 – 1,5 ppm. • Tại Điều 1: Cho phép tiếp tục lưu hành đối với một số loại sản phẩm trên thị trường cho đến ngày hết hạn sử dụng; • Tại Điều 2: Quy định thời gian có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu: <p>(Tài liệu Dự thảo tại <i>Tiểu mục I kèm theo</i>) Quy định sẽ có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu</p>
12	G/SPS/N/ JPN/1295 /Add.1	ATTP	Nhật Bản	22/09/2025	Sửa đổi Danh mục Phụ gia Thực phẩm Hiện có được Quy định trong Luật Vệ sinh Thực phẩm và Sửa đổi Quy định kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. (quy định cuối cùng)	<p>Nhật Bản thông báo sửa đổi "Danh mục các phụ gia thực phẩm hiện hành" đã chính thức có hiệu lực vào ngày 25/8/2025 về việc Loại bỏ khỏi danh mục các phụ gia thực phẩm không còn được phân phối hoặc sử dụng tại Nhật Bản, đồng thời, xóa các mô tả liên quan đến những phụ gia bị loại bỏ ra khỏi Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v.</p>

13	G/SPS/N/ JPN/1322 /Add.1	ATTP, TTBVTY, CNTY	Nhật Bản	22/09/2025	Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn về Thực phẩm, Chất phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn tồn dư hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Nhật Bản thông báo quy định về "Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v." theo Luật Vệ sinh Thực phẩm đã được chính thức sửa đổi. Nội dung sửa đổi: thiết lập MRLs thuốc trừ nấm Fluzin- am, sử dụng trong nông nghiệp, cụ thể:
		Sản phẩm		MRL (mới)	MRL (cũ)	
		"Đậu khờ" bao gồm đậu bơ, đậu bò (đậu đỏ), đậu lăng, đậu tây, đậu lima, đậu pegia, đậu sultani, đậu sultapya và đậu trắng.		0,05	0,1	
		Khoai mỡ Nhật Bản (bao gồm cả khoai mỡ Trung Quốc)		0,01	0,05	
		Củ cải Nhật Bản, rễ (bao gồm cả củ cải)		0,03	0,05	
		Cây nguru băng		0,1	0,2	
		Rau diếp (bao gồm rau diếp xoăn và rau diếp lá)		0,01	0,05	
		Hành		0,1	0,2	
		Hành tây xứ Wales (bao gồm cả tỏi tây)		0,02	0,05	
		Tỏi		0,2		
		Quả cam natsudaikai, nguyên quả		3	5	

Chanh vàng	2	5
Cam (bao gồm cả cam rổn)	2	5
Bưởi	3	5
Chanh xanh	2	5
"Các loại trái cây họ cam quýt khác" là tất cả các loại trái cây họ cam quýt, ngoại trừ quýt Unshu, cam Natsudaidai, vỏ cam Natsudaidai, toàn bộ quả cam Natsudaidai, chanh, cam (bao gồm cam Navel), bưởi, chanh xanh và gia vị.	3	5
Lê Nhật	0,1	0,2
Lê	0,1	0,2
Mận mume	0,1	0,2
Xoài	0,5	
Trà	9	6
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0,5	

Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo

Các mức MRL này đã được chính thức thông qua và công bố ngày 19/6/2025.

14	G/SPS/N/ JPN/1323 /Add.1	ATTP, TTBVTY, CNTY	Nhật Bản	22/09/2025	Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn về Thực phẩm, Chất phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn tồn dư hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Nhật Bản thông báo quy định sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm đã được chính thức thông qua. Nội dung sửa đổi: thiết lập MRLs đối trừ sâu Flupyrimin được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, cụ thể:																								
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>MRL (mới)</th> <th>MRL (cũ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Gạo (gạo lứt)</td> <td>1</td> <td>0,7</td> </tr> <tr> <td>Gan gia súc</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Gan lợn</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>Gan động vật có vú trên cạn khác</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của gia súc</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của lợn</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> <tr> <td>"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của các động vật có vú trên cạn khác</td> <td>0,02</td> <td>0,01</td> </tr> </tbody> </table>							Sản phẩm	MRL (mới)	MRL (cũ)	Gạo (gạo lứt)	1	0,7	Gan gia súc	0,02	0,01	Gan lợn	0,02	0,01	Gan động vật có vú trên cạn khác	0,02	0,01	"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của gia súc	0,02	0,01	"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của lợn	0,02	0,01	"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của các động vật có vú trên cạn khác	0,02	0,01
Sản phẩm	MRL (mới)	MRL (cũ)																												
Gạo (gạo lứt)	1	0,7																												
Gan gia súc	0,02	0,01																												
Gan lợn	0,02	0,01																												
Gan động vật có vú trên cạn khác	0,02	0,01																												
"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của gia súc	0,02	0,01																												
"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của lợn	0,02	0,01																												
"Nội tạng ăn được" là tất cả các bộ phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của các động vật có vú trên cạn khác	0,02	0,01																												

15	G/SPS/N/ JPN/1324/ Add.1	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	22/09/2025	Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng).	<p>Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo</p> <p>Các mức MRL đã được chính thức ban hành và công bố ngày 19/6/2025.</p> <p>Nhật Bản thông báo quy định sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm đã được chính thức thông qua. Nội dung sửa đổi: thiết lập MRLs đối trừ sâu Mandestrobin được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, cụ thể:</p> <table border="1" data-bbox="423 104 926 628"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm</th> <th>MRL (mới)</th> <th>MRL (cũ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cà chua</td> <td>5</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối)</td> <td>1</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>"Các loại rau khác" là tất cả các loại rau, ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau họ cúc, rau họ hành, rau họ cần, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau chân vịt, măng, đậu bắp, gừng, đậu Hà Lan (có vỏ, còn non), đậu tây (có vỏ, còn non), đậu nành xanh, nấm, gia vị và thảo mộc.</td> <td>25</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>Nho</td> <td>20</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>Trà</td> <td>30</td> <td>40</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm	MRL (mới)	MRL (cũ)	Cà chua	5	10	Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối)	1	2	"Các loại rau khác" là tất cả các loại rau, ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau họ cúc, rau họ hành, rau họ cần, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau chân vịt, măng, đậu bắp, gừng, đậu Hà Lan (có vỏ, còn non), đậu tây (có vỏ, còn non), đậu nành xanh, nấm, gia vị và thảo mộc.	25	10	Nho	20	10	Trà	30	40
Sản phẩm	MRL (mới)	MRL (cũ)																						
Cà chua	5	10																						
Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối)	1	2																						
"Các loại rau khác" là tất cả các loại rau, ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau họ cúc, rau họ hành, rau họ cần, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau chân vịt, măng, đậu bắp, gừng, đậu Hà Lan (có vỏ, còn non), đậu tây (có vỏ, còn non), đậu nành xanh, nấm, gia vị và thảo mộc.	25	10																						
Nho	20	10																						
Trà	30	40																						

16	G/SPS/N/ CAN/1491 /Add.1	ATTP	Canada	19/9/2025	Sửa đổi Danh sách phụ gia thực phẩm được phép để xem xét lại một số cách sử dụng phụ gia thực phẩm có chứa nhôm	<p>"Các loại thảo mộc khác" là tất cả các loại thảo mộc, ngoại trừ cải xoong, nira, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây.</p> <p>Động vật dưới nước</p> <p>Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo Quy định này được ban hành và công bố vào ngày 19/6/2025.</p> <p>Cục Thực phẩm và Dinh dưỡng Bộ Y tế Canada thông báo chính thức về việc sửa đổi quy định đối với các phụ gia thực phẩm có chứa nhôm, nội dung chính như sau:</p> <p>1. Mục đích chính: Việc sửa đổi nhằm hai mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giữ mức tiếp xúc với nhôm trong chế độ ăn của người Canada ở mức an toàn. • Cập nhật các cách sử dụng chất phụ gia nhôm dựa trên nhu cầu hiện tại của ngành, bao gồm loại bỏ những cách sử dụng không còn cần thiết. • Một số thay đổi để xuất đã được điều chỉnh dựa trên phản hồi từ ngành công nghiệp. <p>2. Thời gian có hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phần lớn các thay đổi sẽ chính thức có hiệu lực từ 20/10/2025. • Một ngoại lệ quan trọng: việc loại bỏ kali nhôm sulfat (potassium aluminum sulphate) làm chất tạo độ chắc
----	--------------------------------	------	--------	-----------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

17	G/SPS/N/ EGY/157 /Add.1	BCT, TTBVT	Ai Cập	18/9/2025	Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1601-2 "Lúa mì – Phần 2: Nguyên tắc chung đối với Lúa mì cứng (Triticum Durum Desf.)"	<p>cho đưa muối và relish sẽ được thực hiện vào 01/01/2028, phù hợp với ngày tuân thủ tiếp theo theo Chính sách phối hợp nhân thực phẩm</p> <p>Tác động: Các sửa đổi này sẽ được cập nhật vào Danh mục Phụ gia Thực phẩm được phép của Canada và có hiệu lực kể từ ngày được công bố.</p> <p>Bản bổ sung này liên quan đến thông báo ban hành Nghị định Bộ trưởng số 247/2025 (02 trang, bằng tiếng Ả Rập), trong đó quy định cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp sáu tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1601-2 "Lúa mì – Phần 2: Nguyên tắc chung đối với Lúa mì cứng (Triticum Durum Desf.)".</p> <p>Cần lưu ý rằng dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1601-2 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/157 ngày 17/01/2025. Tiêu chuẩn này phù hợp với các văn bản quốc tế gồm: ISO 11051:1994 (được xác nhận năm 2020) và Tiêu chuẩn Codex CXS 199 "Lúa mì và lúa mì cứng" được thông qua năm 1995 và sửa đổi năm 2019. Các nhà sản xuất và nhập khẩu sẽ được thông tin về mọi sửa đổi trong tiêu chuẩn Ai Cập thông qua việc công bố các quyết định hành chính trên Công báo chính thức.</p> <p>Ngày thông qua: 11/8/2025</p> <p>Ngày có hiệu lực: ngày tiếp theo sau khi công bố trên Công báo chính thức.</p>
----	-------------------------------	---------------	--------	-----------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

18	G/SPS/N/ TPKM/649/ Add.1	BVTV	Đài Loan (Trung Quốc)	17/9/2025	Đài Loan thực hiện sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật”	<p>Đài Loan đã thông báo dự thảo sửa đổi “Yêu cầu Kiểm dịch đối với nhập khẩu cây trồng hoặc sản phẩm từ cây trồng.</p> <p>Áp dụng cho tất cả thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định rõ danh mục đối tượng: cây giống, hạt giống, củ, quả, hoa cắt, gỗ, các sản phẩm thực vật chế biến có nguy cơ mang sinh vật gây hại. • Bổ sung/điều chỉnh danh sách các loài hoặc sản phẩm bị cấm nhập hoặc chỉ được nhập có điều kiện (ví dụ: cần giấy chứng nhận kiểm dịch). <p>Yêu cầu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mỗi lô hàng thực vật hoặc sản phẩm thực vật phải có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu. • Có thể kèm theo “additional declaration” về tình trạng không nhiễm một số dịch hại cụ thể (liệt kê trong quy định). <p>Xử lý kiểm dịch trước hoặc sau nhập khẩu.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Một số nhóm sản phẩm phải được xử lý khử trùng, xử lý nhiệt, xử lý hơi methyl bromide... trước khi xuất hoặc ngay khi nhập khẩu. • Cơ quan APHIS có quyền kiểm tra, lấy mẫu, giữ lại, hoặc tiêu hủy lô hàng nếu phát hiện vi phạm hoặc dịch hại. <p>Bổ sung các dịch hại và quốc gia nguồn cần lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy định mới cập nhật danh sách dịch hại kiểm dịch và các khu vực bị hạn chế.
----	--------------------------------	------	-----------------------------	-----------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

19	G/SPS/N/ TPKM/646/ Add.1	ATTP, BCT, CBCL, CNTY, TTNBTB	Đài Loan (Trung Quốc)	15/9/2025	Quy định về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể thay đổi yêu cầu theo từng nước xuất khẩu (ví dụ Việt Nam, Thái Lan, Philippines...) nếu tình hình dịch hại thay đổi. <p>Cơ chế liên hệ và cập nhật: Các doanh nghiệp và cơ quan xuất khẩu có thể liên hệ APHIA (Điểm hỏi đáp quốc gia SPS Đài Loan) để biết rõ quy định từng mặt hàng.</p> <p>Quy định kiểm tra thực phẩm và sản phẩm liên quan nhập khẩu của Đài Loan, nội dung sửa đổi như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi thủ tục nộp đơn xin kiểm tra nhập khẩu sản phẩm và bổ sung các điều khoản; 2. Sửa đổi phạm vi phải kiểm tra sản phẩm theo từng lô hàng; 3. Sửa đổi các điều kiện áp dụng ưu đãi cho doanh nghiệp xuất sắc; 4. Cập nhật các thủ tục kiểm tra và chi phí phát sinh kiểm tra sẽ do người nộp đơn xin kiểm tra bắt buộc chịu; 5. Điều chỉnh các điều kiện cấp phép giải tỏa lô hàng có bảo lãnh cũng như các điều kiện và phương thức thanh toán tiền đặt cọc và đưa ra các điều khoản về việc tái sử dụng theo chu kỳ tiền đặt cọc bảo lãnh; 6. Sửa đổi các thủ tục xử lý đối với lô hàng tuân thủ hoặc không tuân thủ các quy định; 7. Hỗ trợ các hoạt động điện tử bằng cách thiết lập cơ sở pháp lý cho việc sử dụng Hệ thống Thông tin thực phẩm nhập khẩu; <p>Dự thảo sửa đổi đã được thông báo trước vào ngày 07/5/2025 (G/SPS/N/TPKM/646). Quy định đã được ban hành ngày 21/8/2025.</p>
----	--------------------------------	-------------------------------------------	-----------------------------	-----------	--------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

20	G/SPS/N/ USA/3245 /Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	05/9/2025	Phụ gia thực phẩm được phép bổ sung trực tiếp vào thực phẩm dùng cho con người; Vitamin D3 trong sữa chua và các sản phẩm sữa lên men khác với <i>Lactobacillus delbrueckii</i> , phân loài <i>bulgaricus</i> và <i>Streptococcus thermophilus</i>	<p>Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) sửa đổi quy định về phụ gia thực phẩm, cho phép sử dụng vitamin D3 làm chất bổ sung dinh dưỡng trong sữa chua và các sản phẩm sữa lên men với <i>Lactobacillus delbrueckii subsp. bulgaricus</i> và <i>Streptococcus thermophilus</i> ở mức cao hơn so với trước đây. Quyết định này được đưa ra theo kiến nghị của Công ty General Mills và đồng thời cập nhật tiêu chuẩn tham chiếu đối với vitamin D3. Quy định này có hiệu lực từ ngày 4/9/2025.</p> <p>Mức tối đa Vitamin D₃ được phép là 178 IU / 100g sản phẩm đối với sữa chua chuẩn hóa, sữa chua ít chất béo và các sản phẩm từ sữa lên men với chủng vi khuẩn như trên. Sửa đổi cũng bao gồm cập nhật tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật của Vitamin D₃ theo Food Chemicals Codex, phiên bản thứ 14 (FCC 14) có hiệu lực từ ngày 1/6/2024; thay thế phiên bản trước (FCC 13) dùng trong quy định hiện hành.</p>
	G/SPS/N/ USA/3358 /Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	05/9/2025	Phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thực phẩm dành cho người tiêu dùng; Hydrogen Peroxide	<p>Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) sửa đổi quy định về phụ gia thực phẩm, cho phép sử dụng hydrogen peroxide trong thực phẩm như một chất kháng khuẩn, chất oxy hóa – khử và chất tẩy trắng, đồng thời loại bỏ sulfur dioxide khỏi danh mục. Quyết định này được đưa ra theo kiến nghị của Công ty Cargill.</p> <ul style="list-style-type: none"> • FDA đã xem xét chứng cứ khoa học và nhận định rằng việc sử dụng hydrogen peroxide theo các điều kiện này không làm tăng tổng mức phơi nhiễm (dietary exposure) vượt giới hạn an toàn. • Một trong các điều kiện quan trọng là lượng hydrogen peroxide dư sau xử lý (residual peroxide) phải được loại bỏ bằng phương pháp vật lý hoặc hoá học trong

21	G/SPS/N/ USA/3370 /Add.2	ATTP	Hoa Kỳ	05/9/2025	Danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận; Canxi photphat	<p>quá trình chế biến. (ví dụ: qua rửa, sấy hoặc phương pháp lọc thích hợp)</p> <p>Lệnh này có hiệu lực từ ngày 3/9/2025, và việc dẫn chiếu các tài liệu được liệt kê trong lệnh đã được Giám đốc Cục Đăng ký Liên bang phê duyệt kể từ ngày này.</p> <p>Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác nhận ngày 26/6/2025 là ngày có hiệu lực đối với lệnh cuối cùng đã được công bố trên Công báo Liên bang ngày 12/5/2025. Lệnh này sửa đổi quy định về chất tạo màu để cho phép sử dụng Galdieria Extract Blue làm chất tạo màu được miễn giấy chứng nhận trong nhiều loại thực phẩm, gồm: đồ uống không có cồn, nước trái cây & rau, sữa & sản phẩm sữa lên men, thịt gà chế biến sẵn, kẹo, kem, topping đánh bóng, và nhiều sản phẩm đông lạnh hay tráng phủ khác.</p> <p>Ngày có hiệu lực 26/6/2025 của lệnh cuối cùng công bố trên Công báo Liên bang ngày 12/5/2025 (90 FR 20097) đã được xác nhận.</p>
22	G/SPS/N/ UKR/227 /Add.1	ATTP, TY, BVTV	U-crai-na	03/9/2025	Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định	<p>Những sửa đổi đáng chú ý:</p> <p>1. Trong Quy chế các điểm kiểm soát (Resolution 751):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thêm "khám y tế (sanitary/medical examination)" sau từ "cứng" trong điểm liên quan; • Mở rộng trách nhiệm tham gia (thêm các cơ quan như Bộ Y tế (MOZ), Cơ quan kiểm soát thực phẩm & người tiêu dùng) trong một số quy định, và loại bỏ một cơ quan trước đây (Minprompolityky). <p>Cho phép trong trường hợp có nguy cơ xâm nhập và lây</p>

<p>lan bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng (kể cả bệnh kiểm dịch hay các bệnh nguy hiểm cho con người), có thể tạm thời hạn chế hoặc đóng việc qua biên giới, thực hiện bắt buộc cách ly hoặc tự cách ly cho những người nghi nhiễm, hoặc áp đặt kiểm dịch với vật nuôi, hàng hóa thực vật & động vật, giống cây trồng v.v.</p> <p>2. Trong Quy tắc Bảo vệ vệ sinh lãnh thổ (Resolution 893):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cập nhật định nghĩa mới cho các thuật ngữ như “điểm kiểm soát xác định”, “dịch y tế-sanitary examination”, “giám sát dịch tễ”, “ô nhiễm (contamination)” v.v. để rõ hơn trách nhiệm & nghĩa vụ các bên. • Thêm quy định về thời gian và thủ tục thông báo kịp thời cho các cơ quan có liên quan cũng như cho WHO (Thông qua Điểm Liên lạc của WHO), khi có sự kiện y tế có khả năng là khẩn cấp sức khỏe cộng đồng quốc tế. Ví dụ báo cáo trong vòng 6 giờ, 12 giờ, hoặc 24 giờ tùy mức độ. • Cùng cố yêu cầu vệ sinh & kiểm soát tại các cửa khẩu biên giới: kiểm tra y tế hành khách, thủ tục giấy tờ liên quan, kiểm tra vệ sinh, kiểm dịch thiết bị/ phươg tiện vận chuyển, hàng hóa; đảm bảo các điểm kiểm soát được trang bị và thực hiện các biện pháp theo đúng Quy định y tế quốc tế. <p>Nghị quyết có hiệu lực từ khi công bố, nhưng áp dụng thực tế các sửa đổi sau chín tháng kể từ ngày công bố, tức là bắt đầu từ 28/5/2026.</p>	
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

23	G/SPS/N/ AUS/561 /Add.3	CNTY, ATTP	Úc	28/8/2025	Rà soát rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dùng cho người: báo cáo dự thảo	<p>Úc đã công bố Báo cáo cuối cùng về Rà soát rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dùng cho người ("dairy review") ngày 4/3/2025 và thông báo tới các Thành viên WTO vào ngày 14/3/2025 (G/SPS/N/AUS/561/Add.2). Các điều kiện nhập khẩu mới sẽ bắt đầu áp dụng từ ngày 31/8/2025, với giai đoạn chuyển tiếp kéo dài 12 tháng, trong đó giấy phép nhập khẩu cấp từ 31/8/2025 đến 1/9/2026 sẽ đồng thời bao gồm điều kiện hiện hành và điều kiện mới, cho phép thương mại tiếp tục trong khi các chứng thư kiểm dịch đang được đàm phán. Các mẫu chứng thư kiểm dịch đính kèm thông báo có thể được sử dụng để tạo thuận lợi cho thương mại trong giai đoạn này, và Úc đặt mục tiêu hoàn tất đàm phán chứng thư kiểm dịch song phương trước ngày 1/9/2026. Từ thời điểm này, Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp sẽ chỉ cấp giấy phép nhập khẩu theo điều kiện mới và chứng thư tương ứng.</p> <p>Các biện pháp quản lý rủi ro mới bao gồm yêu cầu rằng sản phẩm sữa từ bò, cừu và dê phải được sản xuất và chế biến tại các quốc gia được công nhận là không có bệnh lở mồm long móng (FMD-Free). Quy định cũng cho phép các phương pháp xử lý như thanh trùng (pasteurisation), thanh trùng theo mẻ (batch pasteurisation) hoặc xử lý ở nhiệt độ thấp trong thời gian dài cho sản phẩm từ bò, cừu và dê, đồng thời bổ sung lựa chọn thermisation và high temperature curd cook cho phô mai từ các nước FMD-Free. Các giấy phép cấp trong giai đoạn chuyển tiếp sẽ hết hiệu lực vào 31/8/2028; từ 1/9/2028 chỉ các sản phẩm đáp ứng đầy đủ điều kiện mới và có chứng thư kiểm dịch phù hợp mới được chấp nhận.</p>
----	-------------------------------	---------------	----	-----------	-----------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

24	G/SPS/N/ HKG/50 /Add.1	ATTP, CLCB, CNTY, TTBVTV	Hong Kong (Trung Quốc)	25/8/2025	Các sửa đổi đối với Quy định về Thực phẩm bị pha tạp (Ô nhiễm kim loại) (Chương 132V)	Sửa đổi Quy định về thực phẩm bị pha tạp (Ô nhiễm Kim loại), (Chương 132V, Luật Hồng Kông) Mục đích sửa đổi: <ul style="list-style-type: none"> • Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về mức tối đa (MLs) của các chất gây ô nhiễm kim loại trong thực phẩm. • Bổ sung 27 mức tối đa mới cho kim loại cụ thể trong các loại thực phẩm cụ thể. • Cập nhật 9 mức tối đa hiện có theo tiêu chuẩn mới nhất của Codex và các thị trường nhập khẩu lớn. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> • Cập nhật hoặc thiết lập mới mức tối đa cho phép của các kim loại nặng (như cadimi, chì, methyl-thủy ngân) trong các loại thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế mới nhất. • Bổ sung, thay đổi nhiều mức tối đa cho các nhóm thực phẩm như rau củ, nấm ăn, gạo, ca cao, chocolate, muối, đường, thịt nội tạng động vật, cá... • Cập nhật lại các mục trong phụ lục quy định hàm lượng kim loại tối đa.
25	G/SPS/N/ USA/3273 /Add.2	ATTP	Hoa Kỳ	25/8/2025	Danh mục các Chất tạo màu được miễn chứng nhận: Chất màu xanh chiết xuất từ tảo Galdieria	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác nhận ngày hiệu lực 26/6/2025 cho phép sử dụng galdieria extract blue (màu xanh chiết xuất từ tảo Galdieria) làm phụ gia màu được miễn chứng nhận trong nhiều loại sản phẩm thực phẩm, ở mức phù hợp với thực hành sản xuất tốt (GMP), bao gồm: Đồ uống không cồn, nước ép trái cây/rau, sinh tố, sữa, sữa chua uống, sản phẩm thay thế bữa ăn, ngũ cốc ăn sáng, kẹo cứng/mềm, chewing gum, kem, sữa chua đông lạnh, pudding, thạch, trái cây đông lạnh, đá que, kem phủ, kem tươi và các sản phẩm thay thế từ thực vật.

						Thông tin chi tiết này rất quan trọng đối với các nhà sản xuất thực phẩm ở các quốc gia khác muốn xuất khẩu các sản phẩm tương tự vào thị trường Hoa Kỳ, chi tiết quy định tại: https://www.federalregister.gov/d/2025-16046 https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/USA/25_05572_00_e.pdf
26	G/SPS/N/USA/3448/Add.2	ATTP	Hoa Kỳ	25/8/2025	Danh mục các Chất tạo màu được miễn chứng nhận: Chiết xuất hoa đậu biếc	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác nhận ngày có hiệu lực là 26/6/2025 cho phép sử dụng an toàn chiết xuất từ hoa đậu biếc làm chất tạo màu trong thực phẩm, việc sử dụng phải tuân thủ theo thực hành sản xuất tốt (GMP). Quy định mới cho phép sử dụng phụ gia màu chiết xuất từ hoa đậu biếc trong một loạt các sản phẩm thực phẩm: ngũ cốc ăn liền, bánh quy, hỗn hợp đồ ăn vặt, bánh pretzel cứng, khoai tây chiên thông thường, khoai tây chiên nướng), và chips ngũ cốc, chi tiết quy định tại: https://www.federalregister.gov/d/2025-16045 https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/USA/25_05571_00_e.pdf
27	G/SPS/N/JPN/1353/Add.1	TY	Nhật	21/8/2025	Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định	Nhật Bản thông báo ban hành và đưa vào hiệu lực quy định sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy cách đối với Thức ăn chăn nuôi và Chất phụ gia thức ăn chăn nuôi. Cụ thể: Sửa đổi tiêu chuẩn phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi có sử dụng axit benzoic (benzoic acid) làm chất phụ gia.

28	G/SPS/N/ USA/3257 /Add.1/Corr.1	ATTP, CLCB	Hoa Kỳ	07/8/2025	Danh mục các chất tạo màu được miễn Chứng nhận; Màu xanh Gardenia (Genipin); Đinh chính	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) sửa đổi "Danh mục các chất tạo màu được Miễn Chứng nhận; Màu xanh Gardenia (Genipin)". Dự thảo trước đó, FDA đã sửa đổi các quy định về chất tạo màu để đảm bảo việc sử dụng an toàn màu gardenia (genipin) trong nhiều loại thực phẩm, ở mức độ phù hợp với Thực hành Sản xuất tốt (GMP). Tuy nhiên quyết định này đã ghi sai thông số kỹ thuật về methanol; thông báo này nhằm sửa lỗi đó.
29	G/SPS/N/ THA/232 /Rev.2/Add.1	ATTP, TY, BCT	Thái Lan	06/8/2025	Thông báo số 459 của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) về "Yêu cầu nhập khẩu đối với thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò"	Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) Thái Lan đã được báo cáo trong G/SPS/N/THA/232/Rev.2 ngày 18/7/2024, nay đã được ban hành chính thức thành thông báo số 459 của MOPH về "Yêu cầu nhập khẩu thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò", và được đăng trên Công báo ngày 07/7/2025. Ngày có hiệu lực: ngày 07/7/2025. Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc ngày có hiệu lực của quy định
30	G/SPS/N/ THA/781 /Add.1	ATTP, BVTV, BCT	Thái Lan	05/8/2025	Thông báo Bộ Y tế (MOPH) số 460 với tiêu đề "Thực phẩm chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật".	Thông báo của Bộ Y tế (MOPH) được báo cáo trong G/SPS/N/THA/781 ngày 21/01/2025 đã được ban hành chính thức số 460 về Thực phẩm chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên Công báo ngày 7/7/2025. Các Thông báo của Bộ Y tế số 387 (G/SPS/N/THA/183/Add.1), số 393 (G/SPS/N/THA/247/Add.1), số 419 (G/SPS/N/THA/313/Add.1), số 449 (G/SPS/N/THA/584/Add.1) đã bị bãi bỏ và thay thế bởi Thông báo số 460 này. Ngày có hiệu lực: 22 tháng 7 năm 2025, cụ thể:

31	G/SPS/N/ NZL/772 /Add.1	TTBVTV	Niu-di-lân	05/8/2025	Tiêu chuẩn kiểm dịch nhập khẩu cây giống: 155.02.06 – Nhập khẩu cây giống đủ điều kiện (Nursery Stock).	<ul style="list-style-type: none"> • Phụ lục 2: Quy định mức dư lượng tối đa (MRLs) của 88 hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và động vật. • Phụ lục 3: Bảng 1: Quy định giá trị mặc định từ mức 0,1-0,005 ppm đối với 17 loại hóa chất tồn dư trong các sản phẩm có nguồn gốc thực vật. Bảng 2: Quy định giá trị mặc định từ mức 0,02-0,05 ppm đối với 04 loại hóa chất tồn dư trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật. • Phụ lục 4: Quy định mức dư lượng tối đa 6 hoạt chất độc hại từ môi trường, không do sử dụng trực tiếp (EMRLs) tồn dư trong trái cây, rau, ngũ cốc, họ đậu, hạt cây, thảo mộc, trà, trứng, gia cầm và động vật. <p>Các MRL không được quy định trong Phụ lục 2, Phụ lục 4 sẽ tuân theo tiêu chuẩn Codex, nếu không có quy định từ Codex sẽ áp dụng tiêu chuẩn của ASEAN.</p> <p>https://ratchakitcha.soc.go.th/documents/75163.pdf https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/THA/25_05162_00_x.pdf</p> <p>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc ngày có hiệu lực của quy định</p>
----	-------------------------------	--------	------------	-----------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

						Bộ Các Ngành Công nghiệp cơ bản rà soát và sẽ tiếp tục duy trì mở khoảng 345 chi (genera) cho phép nhập khẩu, dự kiến sẽ tham vấn vào cuối năm nay về các biện pháp nhập khẩu bổ sung đối với khoảng 45 chi trong số đó. Xem Chi số Kiểm dịch Thực vật (Plants Biosecurity Index) để biết các tuyến nhập khẩu đủ điều kiện xuất khẩu sang Ni-u-di-lân dưới dạng cây trồng làm trồng (cây giống). Tiêu chuẩn kiểm dịch nhập khẩu sửa đổi này có hiệu lực từ ngày 04/8/ 2025.
32	G/SPS/N/ BRA/2406 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Braxin	01/8/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1328, ngày 23/4/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1328, ngày 23/4/2025 đã được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2406 - đã được ban hành bởi Hướng dẫn Quy phạm số 387, ngày 28/7/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất T84 - thymus vulgaris vào Danh mục các Hoạt chất cho Thuốc bảo vệ thực vật, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và Chất bảo quản gỗ.
33	G/SPS/N/ BRA/2405 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Braxin	01/8/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1327, ngày 23/4/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1327, ngày 23/4/2025 đã được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2405 - đã được ban hành bởi Hướng dẫn Quy phạm số 386, ngày 28/7/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất P77 - paenibacillus ottowii vào Danh mục các Hoạt chất cho Thuốc bảo vệ thực vật, Sản phẩm vệ sinh và Chất bảo quản gỗ.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững” Chủ đề năm 2025: “Phát triển kinh tế và thương mại Halal của Việt Nam”
2. Dự thảo Tiêu chuẩn GSO 193:2024 Các tạp chất và độc tố trong thực phẩm
3. Tiêu chuẩn MS 1500:2019 Tiêu chuẩn Halal Malaysia
4. Yêu cầu chung đối với thực phẩm Halal, OIC/SMIIC 1: 2019, Phiên bản thứ 2-31/7/2019
5. <https://vioit.vn/tiem-nang-trien-vong-va-mot-so-giai-phap-phat-trien-nganh-halal-o-viet-nam.html>
6. <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/tin-tong-hop/xuat-nhap-khau/doanh-nghiep-viet-khai-pha-thi-truong-halal-32446.html>
7. <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/tin-tong-hop/xuat-nhap-khau/viet-nam-tang-cuong-tham-nhap-thi-truong-halal-trung-dong-33185.html>
8. <https://nvsk.vnnet.vn/ho-so/hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam-israel-vifta-3-43807.vna>
9. <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/25046-van-kien-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam--israel-vifta>
10. <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/28915-van-kien-hiep-dinh-doi-tac-kinh-te-toan-dien-viet-nam-uae-cepa>
11. https://www.frost.com/growth-opportunity-news/economic-analytics/the-rise-of-the-global-halal-economy-10-trillion-growth-opportunities-by-2030-ena01_tg02_tgc_halaleconomy_pfq6_oct25_cim-sg/
12. <https://vtv.vn/kinh-te/halal-thi-truong-tiem-nang-cho-nong-san-viet-nam-20241105102212595.htm>

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS TRONG XUẤT KHẨU NÔNG - LÂM - THỦY SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG HALAL

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Trương Thu Hiền

Biên tập: Nguyễn Nguyên Hà

Chế bản: Đào Văn Cường

Trình bày bìa: Bùi Đức Toàn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934 1562 **Fax:** 024-3938 7164

Website: <http://nhaxuatbanconghuong.com.vn>

E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 15 x 21 cm tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Thành Đạt
Địa chỉ: Nhà TT5.3-31 Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Định Công, Hà Nội.
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 5165-2025/CXBIPH/3-385/CT
Số Quyết định xuất bản: 1042/QĐ-NXBCT ngày 19 tháng 12 năm 2025
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2025
Mã số ISBN: 978-632-612-964-9



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10 Nguyễn Công Hoan, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mae.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

